****

**CÁC DẠNG BÀI TẬP TIẾNG VIỆT 8**

**(Kì II)**

****

**KHÁI QUÁT CHƯƠNG TRÌNH KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 8 KÌ II**

***5 KIỂU CÂU THEO MỤC ĐÍCH NÓI***

***HÀNH ĐÔNG NÓI***

Câu nghi vấn

Câu cảm thán

Câu cầu khiến

Câu phủ định

Câu trần thuật

5 nhóm hành động nói

Trình bày

Hỏi

Điều khiển

Hứa hẹn

Bộc lộ cảm xúc

2 cách thực hiện hành động nói

 Vai xã hội

 Đảm bảo tôn trọng lượt lời

***HỘI THOẠI***

Trực tiếp

Gián tiếp

 Thể hiện trình tự của đối tượng

 Nhấn mạnh đặc điểm, tính chất

***MỤC ĐÍCH LƯA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU***

 Tạo sự liên kết

 Tạo sự hài hòa thanh điệu

**CÂU NGHI VẤN**

**I. CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**1.** Có nhiều tiêu chí phân loại các kiểu câu, như ở các lớp dưới có tiêu chí phân loại theo cấu tạo (*câu đơn, câu ghép*) và đến kì II lớp 8 là tiêu chí phân loại theo mục đích nói đích thực (mục đích trực tiếp) của câu:

- Mục đích để hỏi: **Câu nghi vấn**

- Mục đích để cầu khiến, đề nghị, yêu cầu: **Câu cầu khiến**

- Mục đích để cảm thán, bộc lộ cảm xúc: **Câu cảm thán**

- Mục đích để thông báo, kể lại, giới thiệu….: **Câu trần thuật**

- Mục đích để phản bác ý kiến, xác nhận không có: **Câu phủ định**

**2.** Mục đích thực sự của câu nghi vấn là nêu điều người nói chưa biết hoặc còn hoài nghi và mong muốn được người nghe trả lời.

**3.** Các đặc điểm hình thức của câu nghi vấn thường được nhắc đến là:

**a. Câu nghi vấn chứa các đại từ nghi vấn**: *ai, gì, nào, như thế nào, bao nhiêu, đâu, bao giờ, sao (vì sao, tại sao)…*

Ví dụ:

(1) *Nhưng mỗi năm mỗi vắng*

 *Người thuê viết nay* ***đâu****?*

 (Vũ Đình Liên)

(2) *Hai chàng đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả con gái cho người* ***nào****?*

 (Sơn Tinh, Thủy Tinh)

**b. Câu nghi vấn có chứa các cặp phụ từ**: *có….không; có phải…..không; đã….chưa…*

Ví dụ:

(1) *Hồng! Mày* ***có*** *muốn vào Thanh Hóa chơi với mẹ mày* ***không***?

 (Nguyên Hồng)

(2) *Con* ***đã*** *nhận ra con* ***chưa****?*

 (Tạ Duy Anh)

**c. Câu nghi vấn chứa các tình thái từ**: *à, ư, nhỉ, hử, hả, hở, chứ, chăng…*

Ví dụ:

(1) *Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta ấy* ***hả****?*

 (Tô Hoài)

(2) *Con đã gửi quà cho bạn Hùng rồi* ***chứ****?*

**d. Câu nghi vấn có chứa quan hệ từ chỉ ý lựa chọn**

Ví dụ

(1) *Anh làm* ***hay*** *tôi làm?*

(2) *Em ăn cháo* ***hay*** *ăn bánh?*

(3) *Bác ấy còn ở đây* ***hay là*** *đã chuyển đi rồi ạ?*

**e. Có chứa dấu hỏi chấm (?) ở cuối câu**. Trong một số câu nghi vấn không chứa các từ chỉ ý nghi vấn nhưng có ngữ điệu nghi vấn (*trong văn bản viết, ngữ điệu nghi vấn thường được đánh dấu bằng dấu hỏi chấm ở cuối câu*).

Ví dụ:

(1) *Cụ bán rồi****?***

 (Nam Cao)

(2) *Hức! Thông ngách sang nhà ta****?*** *Dễ nghe nhỉ!*

 (Tô Hoài)

**4. Câu nghi vấn ngoài mục đích thực** (mục đích trực tiếp) dùng để hỏi thì còn có các mục đích sử dụng khác tùy vào tình huống cụ thể của văn cảnh.

Ví dụ:

***(1) Mục đích khẳng định***

*- Không mày làm vỡ cái bát thì ai làm?* (Khẳng định mày làm vỡ, lời của người lớn nói với trẻ con với sắc thái tức giận)

***(2) Mục đích phủ định***

- *Chỉ có thế thôi sao?* (phủ định “không phải chỉ có thế” mà còn có thêm nhiều cái khác)

***(3) Mục đích nhờ vả***

- *Cậu có thể cho mình mượn cái bút được không?*

***(4) Mục đích đe dọa***

- *Mày có muốn biết thế nào là lễ độ không?*

***(5) Mục đích bộc lộ cảm xúc***

*- Bức tranh sao mà đẹp thế?*

***(6) Mục đích chào hỏi***

*- Bác đi làm ạ?*

*- Bác đi đâu về ạ?*

**4. Phân loại câu nghi vấn:** có thể chia thành 4 loại câu sau

***a. Câu nghi vấn tổng quát***

 Người nói dùng câu hỏi này khi mới chỉ biết một sự việc nào đó xảy ra, nhưng chưa hề biết một chi tiết nào về sự việc đó. Người nói muốn biết thông tin về toàn bộ sự việc. Trong câu hỏi loại này thường dùng từ nghi vấn “cái gì”, “gì”…và cuối câu có dấu hỏi chấm

 Câu trả lời cho loại câu hỏi này phải có cấu trúc đầy đủ (không dùng câu rút gọn) bởi câu trả lời phải cung cấp đầy đủ thông tin về toàn bộ sự việc

Ví dụ

- *Ngoài kia có chuyện gì mà ầm ĩ thế con?*

- *Dạ, vừa xong nhà ông Năm bị mất trộm, công an đang lấy lời khai ở bên đó, bà con họ sang xem đông lắm ông à.*

***b. Câu nghi vấn chuyên biệt***

 Người nói đã biết nhiều chi tiết về sự việc, nhưng còn chưa biết về một chi tiết của sự việc và chỉ hỏi về chi tiết đó thôi. Trong câu hỏi loại này thường dùng các đại từ nghi vấn: ai, gì, nào, đâu, mấy, bao nhiêu, bấy nhiêu, bao giờ, thế nào, như thế nào, bao lâu…và cuối câu có dấu chấm hỏi

 Đối với câu hỏi chuyên biệt, câu trả lời thường có cấu trúc đầy đủ, nhưng cũng có thể dùng cấu trúc rút gọn, chỉ cần trả lời cho điểm người ta chưa biết là được.

Ví dụ:

(1) *- Vậy thì bữa sau con sẽ ăn ở đâu?*

 *- Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài*

(2) *- Bao giờ anh đi Hà Nội*

 *- Ngày mai*

***c. Câu nghi vấn lựa chọn***

 Người nói nêu ra hai hoặc nhiều khả năng khác nhau và mong muốn người nghe chọn một trong các khả năng đó

 Câu hỏi loại này thường dùng quan hệ từ lựa chọn (hay, hay là)

Ví dụ:

(1) *Anh về hẳn hay còn đi nữa?*

 (Nguyễn Thị Ngọc Tú)

 Câu hỏi loại này cũng dùng các cặp phụ từ: Có….không; đã…chưa; có phải…hay không; rồi…hay chưa…

Ví dụ

(1) *Có ăn phở hay không?*

(2) *Anh đã có vợ chưa?*

(3) *Tiệm này đồ ăn ngon lắm, anh đã ăn thử rồi hay chưa?*

**d. Câu nghi vấn giả thiết**

 Trong câu hỏi, người nói vừa hỏi vừa nêu một giả thiết ít nhiều có tính khẳng định và mong muốn người nghe cho biết về điều giả thiết ấy. Câu hỏi loại này thường chứa các tình thái từ nghi vấn: à*, ư, hử, hả, hở, chứ, nhỉ, nhé, chăng, ru*…và cuối câu có dấu hỏi chấm

Ví dụ: *- Bác trai đã khá rồi chứ?*

 *- Cảm ơn cụ nhà cháu đã tỉnh táo như thường. Nhưng xem ý hãy còn lề bề lệt bệt chừng như vẫn còn mệt mỏi lắm.*

(Ngô Tất Tố)

(2) *Cậu ngủ rồi à?*

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP**

**Bài 1. Tìm các câu nghi vấn trong các câu dưới đây và cho biết chúng có những đặc điểm hình thức nào của câu nghi vấn**

1. Tôi hỏi cho có chuyện:

- Thế nó cho bắt à?

 (Nam Cao)

2. – Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về.

Cô tôi hỏi luôn, giọng vẫn ngọt:

- Sao lại không vào? Mợ mày phát tài lắm, có như dạo trước đâu!

 (Nguyên Hồng)

3. Vua hỏi: “còn nàng út đâu?”. Nàng bẽn lẽn dâng lên vua mâm bánh nhỏ.

 (Truyền thuyết Hùng Vương)

4. Anh có biết con gái anh là một thiên tài hội họa không?

 (Tạ Duy Anh)

5. Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng?

 (Nam Cao)

6. Những câu thơ ấy tả cảnh hay tả tình?

7. Em là ai? Cô gái hay nàng tiên
 Em có tuổi hay không có tuổi
 Mái tóc em đây, hay là mây là suối
 Đôi mắt em nhìn hay chớp lửa đêm giông
 Thịt da em hay là sắt là đồng?

 (Tố Hữu)

8. “- Trên đời này ông thích nhất cái gì?

 - Chẳng biết nữa

 - Có uống rượu không?

 - Không

 - Có hút thuốc không?

 - Không

 - Có thích hát văn nghệ không?

 - Không!”

 (Nguyễn Đức Thuận)

9. “Ông Hai nằm rũ ra ở trên giường không nói gì.

- Thầy nó ngủ rồi à?

- Gì?”

 (Kim Lân)

10. “- Lúc ông lên năm, mẹ đi chợ có hay mua quà cho không?

- Chả nhớ

- Lên sáu?

- Cũng chả nhớ.”

 (Nguyễn Đức Thuận)

11. “- Ở đâu vào đây?

- Ở ngoài vào

- Ngoài nào?

- Ở ngoài khu du kích vào.”

 (Tô Hoài)

12. Hoàng đang lưỡng lự

- Mình đi tiếp hay là ở lại đây?

13. Lão Hạc ơi! Bây giờ thì tôi hiểu tại sao lão không muốn bán con chó vàng của lão. Lão chỉ còn một mình nó để giải khuây. Vợ lão chết rồi. Con lão đi bằn bặt. Già rồi mà ngày cũng như đêm, chỉ thui thủi một mình thì ai mà chả phải buồn?. Những lúc buồn có con chó làm bạn thì cũng đỡ buồn một chút.

   (*Lão Hạc*, Nam Cao)

14.Chị Dậu ôm con vào ngồi bên phản, sờ tay vào trán chồng và sẽ sàng hỏi:

- Thế nào? Thầy em có mệt lắm không? Sao chậm về thế? Trán đã nóng lên đây này!

 (*Tắt đèn*, Ngô Tất Tố)

15. Anh Dậu nằm thừ không cựa, cũng không trả lời. Chị Dậu lại gặng:

- Chắc thầy em mệt lắm thì phải? Từ sáng đến giờ đi những đâu? Hỏi vay của ai?

Vắt tay lên trán, anh Dậu thở một tiếng dài và cất cái giọng lề dề của người ốm:

-Tôi lên nhà lão Hội Ích.

- Có được đồng nào hay không?

- Chẳng được gì cả.

 (*Tắt đèn*, Ngô Tất Tố)

16. Tôi cố vui vẻ theo em, nhưng nước mắt đã ứa ra. Bỗng Thủy lại xịu mặt xuống:

- Sao bố mãi không về nhỉ? Như vậy là em không được chào bố trước khi đi.

Tôi nhìn sang cửa phòng bố. Mấy ngày rồi, bố vẫn biệt tăm. Tôi xót xa nhìn em. Bao giờ nó cũng chu đáo và hiếu thảo như vậy.

 (*Cuộc chia tay của những con búp bê*, Khánh Hoài)

17. Tôi quắc mắt:

 - Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa?

 - Thưa bác, thế thì …hừ hừ… em xin sợ. Mời bác cứ đùa một mình thôi.

 (*Dế Mèn phiêu lưu kí*, Tô Hoài)

18. Đấy, có tiếng người sang sảng quát:

- Mày muốn lôi thôi cái gì? …Cái thằng không cha không mẹ này! Mày muốn lôi thôi cái gì?

Đã bảo mà! Cái tiếng quát tháo kia là tiếng Lý Cường. Lý Cường đã về! Lý Cường đã về! Phải biết …A ha!

 (*Chí Phèo*, Nam Cao)

19. Phó may:

- Mời ngài mặc thử bộ lễ phục chứ ạ?

Ông Giuốc-đanh:

- Ừ, đưa đây tôi.

 (*Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục*, Mô-li-e)

20. Thầy thơ lại xin phép đọc công văn.

- Dạ, bẩm chính ý đó. Dạ bẩm có chuyện chi vậy?

 (Nguyễn Tuân)

21. Ở thành phố ta vừa có thêm một sự lạ.

- Lạ gì? Không lẽ lại nắn đường?

- Nắn đường là chuyện xưa rồi Diễm. Đây là xây nhà.

- Ối! Xây nhà thì cũ mèm. Nhưng sao?

- Cấp phép ba tầng rưỡi, nay…mọc thêm năm tầng rưỡi sau 16 lần vi phạm bị xử lí. (Theo báo Sài Gòn giải phóng)

22. Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: Chắc nó trừ mình ra. Không ai lên tiếng cả.

 (Nam Cao)

23. Cụ Bá cười nhạt, nhưng tiếng cười giòn giã lắm; người ta bảo cụ hơn người cũng bởi cái cười:

- Cái anh này nói mới hay! Ai làm gì anh mà anh phải chết? Đời người chứ có phải con ngóe đâu? Lại say rồi phải không?

 Rồi, đổi giọng cụ thân mật hỏi:

- Về bao giờ thế? Sao không vào tôi chơi? Đi vào nhà uống nước.

 (Nam Cao)

24. Có lẽ vì thế mà thứ bánh đúc này thỉnh thoảng mới làm chăng? Thường thường lúc quấy bánh, người ta giảm chất dừa và lạc đi, để cho se mặt, thái ra từng miếng rồi ăn, theo cái kiểu bánh đúc nộm hay bánh đúc nham. Ai bảo rằng bánh đúc nộm hay bánh đúc nham là thứ quà nhà quê? Có một hôm nào đó, đi qua một cửa hiệu buồn vắng khách ở phố Hàng Bè, Mã Mây, mà tình cờ ta được thấy một hai người đàn bà trẻ tuổi gọi hàng bánh đúc nộm vào ăn thì ta mới quan niệm được có những người Hà Nội thích ăn bánh đúc nộm như thế nào.

 (Vũ Bằng)

25. Thế là tại làm sao? Tết ở Bắc Việt thực quả là kỳ lạ! […] Ờ nhỉ, sao cùng là thịt mỡ ngày Tết, mà thịt mỡ ở Bắc ăn mãi không thấy ngán, còn ở đây ăn hai miếng rồi, bắt ăn miếng thứ ba thì cổ đứ ra không nuốt được? Có lẽ tại cái mỡ ở Nam nó khác ở Bắc chăng? Hay tại trời ở Bắc rét, thân thể cần nhiều nhiên liệu để đốt, nên mỡ là một yếu tố cần thiết, vì thế ta ăn vào không thấy ngán?

 (Vũ Bằng)

26. Bảo nóng ư? Không. Bảo rét ư? Không. Thời tiết lúc đó kì lạ lắm: rét vẫn còn vương trên ngọn xoan đào, nhưng đất ở ngoài vườn khô ráo, sạch bong, mịn màng như thể đất rừng Đà Lạt sau một đêm sương và qua những kẽ lá chòm cây, có những bông hoa nắng rung rinh trong bể nước.

 (Vũ Bằng)

27. Thường tình, ai cũng ưa hiện tại bởi vì hiện tại chờ đợi những đổi thay, hứa hẹn những tương lai hứa hẹn, thế mà làm sao anh cứ băn khoăn mãi với quá khứ làm gì? Hay là tại sầu nhiều chăng? Giận nhiều chăng?

 (Vũ Bằng)

28. Từ rằng: “Tâm phúc tương cờ,

 Phải người trăng gió vật vờ hay sao?

 Bấy lâu nghe tiếng má đào

Mắt xanh chẳng để ai vào, có không?”

 (Nguyễn Du)

29. Sè sè nấm đất bên đường

 Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh

 Rằng: “Sao trong tiết thanh minh,

 Mà đây hương khói vắng tanh thế mà?”

 (Nguyễn Du)

30. Khi tỉnh rượu lúc tàn canh

 Giật mình, mình lại thương mình xót xa

 Khi sao phong gấm rủ là,

 Giờ sao tan tác như hoa giữa đường?

 Mặt sao dày gió dạn sương

 Thân sao bướm chán ong chường bấy thân?

 Mặc người mưa Sở, mây Tần,

 Những mình nào biết có xuân là gì?

 (Nguyễn Du)

**Bài 2.** **Tìm các câu nghi vấn trong các câu dưới đây và cho biết mỗi câu được dùng với mục đích gì?**

**1.** Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu! Mau!

 (*Tắt đèn*, Ngô Tất Tố)

**2.** Tôi quắc mắt:

- Sợ gì? […] Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa!

 (Tô Hoài)

**3.** Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nỗi này! Tôi hối lắm! Tôi hối hận lắm! Anhmà chết là chỉ cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ?

 (*Dế mèn phiêu lưu kí*, Tô Hoài)

**4.** Cháu nằm trên lúa

 Tay nắm chặt bông

 Lúa thơm mùi sữa

Hồn bay giữa đồng…

 Lượm ơi, còn không?

 (*Lượm*, Tố Hữu)

**5.** Thân gầy guộc lá mong manh

 Mà sao nên lũy nên thành tre ơi?

 (*Tre Việt Nam*, Nguyễn Duy)

**6.** - Nói đùa thế, chứ ông giáo để cho khi khác…

 - Việc gì còn phải chờ khi khác?...Không bao giờ nên hoãn sự sung sướng lại. Cụ cứ ngồi xuống đây! Tôi làm nhanh lắm…

 (*Lão Hạc*, Nam Cao)

**7.** Cả đàn bò giao cho thằng bé người không ra người ngợm không ra ngợm ấy, chăn dắt làm sao?

**8.** Đã ăn thịt còn lo liệu thế nào? Mày đừng có làm dại mà bay đầu đi đó, con ạ!

 (Em bé thông minh)

**9.** Nhà vua ngắm nhìn mặt biển, rồi nói:

 - Biển này sao không có cá nhỉ?

 (Cây bút thần)

**10 *-***Một cậu bé hỏi mẹ:
 - Tại sao mẹ lại khóc?
 Người mẹ đáp:
 - Vì mẹ là một phụ nữ.

11 Em là ai ? Cô gái hay nàng tiên?
 Em có tuổi hay không có tuổi?
 Mái tóc em đây, hay là mây là suối?
 Đôi mắt em nhìn hay chớp lửa đêm giông?
 Thịt da em hay là sắt là đồng?

*(Người con gái Việt Nam, Tố Hữu)*

12. Một hôm cô tôi gọi tôi đến bên cười hỏi:
- Hồng ! Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không?
... Tôi cười dài trong tiếng khóc, hỏi cô tôi:
- Sao cô biết mợ con có con?
 (Nguyên Hồng)

13. Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế? Đó là cuộc đời là một cuộc đấu tranh bất tận, mà tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng nhưng thật ra chỉ là những giọt bé nhỏ giữa đại dương bao la.

14.

“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn,
Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng.
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?”

15. Nghe con giục, bà mẹ đến hỏi phú ông. Phú ông ngần ngại. Cả đàn bò giao cho thằng bé không ra người ra ngợm ấy, chăn dắt làm sao?

16. Dưới gốc tre, tua tủa những mầm măng, măng trồi lên nhọn hoắt như một mũi gai khổng lồ xuyên qua đất lũy mà trỗi dậy, bẹ măng bọc kín cây non, ủ kẽ như áo mẹ trùm lần trong lần ngoài cho đứa con còn non nớt. Ai dám bảo thảo mộc tự nhiên không có tình mẫu tử?

17. Văn là gì? Văn là vẻ đẹp. Chương là gì? Chương là vẻ sáng. Nhời (lời) của người ta rực rỡ bóng bẩy, tựa như có vẻ đẹp vẻ sáng, cho nên gọi là văn chương.

**Bài 3. Phân biệt sự khác nhau trong hai câu nghi vấn (in đậm) sau:**

Mẹ hồi hộp thì thầm vào tai tôi:

**- Con có nhận ra con không?**

[…]

**- Con đã nhận ra con chưa?**

 (Tạ Duy Anh)

**Bài 4. Phân biệt sự khác nhau trong hai câu nghi vấn sau:**

(1) Hôm nào lớp cậu đi xem phim?

(2) Lớp cậu đi xem phim hôm nào?

**Bài 5. Trong các câu sau, câu nào là câu nghi vấn? Hãy điền dấu câu thích hợp vào chỗ chấm?**

(1) Bà hỏi:

- Còn thằng Tẽo đâu…

(2) Bà hỏi thằng Tẽo đâu…

**Bài 6.** **Hãy đặt các câu nghi vấn nhằm các mục đích sau *(mỗi mục đích một câu).***

**1.** *Nhờ bạn đèo về nhà.*

**2.** *Mượn người khác một vật dụng.*

**3.** *Bộc lộ cảm xúc trước một bộ quần áo.*

**4.** *Dùng để phủ định một điều gì đó.*

**5.** *Dùng để chào hỏi*

**Bài 7. Chỉ ra tác dụng của câu nghi vấn trong đoạn thơ sau:**

**a.** *Những người muôn năm cũ*

 *Hồn ở đâu bây giờ?*

(Vũ Đình Liên)

**b.** *Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?*

 (Thế Lữ)

**Bài 8: Viết một đoạn văn (từ 10 câu trở lên) có sử dụng câu hỏi tu từ? Gạch chân dưới mỗi câu hỏi tu từ trong đoạn văn.**

**III. GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**Bài 1.** Dấu hiệu nhận biết (từ để hỏi) được in đậm.

1. Thế nó cho bắt **à**?

2. **Sao** lại không vào?

3. Còn nàng út **đâu**?

4. Anh có biết con gái anh là một thiên tài hội họa **không**?

5. Cụ tưởng tôi sung sướng hơn **chăng**?

6. Những câu thơ ấy tả cảnh **hay** tả tình?

7. (a) Em là **ai**? (b) Cô gái **hay** nàng tiên (c) Em có tuổi **hay** không có tuổi
 (d) Mái tóc em đây, **hay là** mây là suối
 (e) Đôi mắt em nhìn **hay** chớp lửa đêm giông
 (g) Thịt da em **hay là** sắt là đồng?

8. (a) Trên đời này ông thích nhất cái **gì**? (b) Có uống rượu **không**? (c) Có hút thuốc **không**? (d) Có thích hát văn nghệ **không**?

9. Thầy nó ngủ rồi **à**?

10. (a) Lúc ông lên năm, mẹ đi chợ có hay mua quà cho **không**? (b) Lên sáu**? (***dấu hiệu: ngữ điệu nghi vấn)*

11. (a) Ở **đâu** vào đây? (b) Ngoài **nào**?

12. Mình đi tiếp **hay là** ở lại đây?

13. Già rồi mà ngày cũng như đêm, chỉ thui thủi một mình thì **ai** mà chả phải buồn?

14. (a) Thế **nào**? (b) Thầy em có mệt lắm **không**? (c) **Sao** chậm về thế?

15. (a) Chắc thầy em mệt lắm thì phải**?**- (ngữ điệu nghi vấn)

 (b) Từ sáng đến giờ đi những **đâu**? (c) Hỏi vay của **ai**?

 (d) Có được đồng nào hay **không**?

16. Sao bố mãi không về **nhỉ**?

17. (a) Sợ **gì**? (b) Mày bảo tao sợ **cái gì**? (c) Mày bảo tao còn biết sợ **ai** hơn tao nữa?

18. Mày muốn lôi thôi **cái gì**?

19. Mời ngài mặc thử bộ lễ phục **chứ** ạ?

20. Dạ bẩm có chuyện **chi** vậy?

21. (a) Lạ **gì**? (b) Không lẽ lại nắn đường**? –** *(ngữ điệu nghi vấn)*

 (c) Nhưng **sao**?

22. (a) Có hề **gì**? (b) Trời có của riêng nhà **nào**?

23. (a) **Ai** làm gì anh mà anh phải chết? (b) Đời người **chứ** có phải con ngóe **đâu**?

 (c) Lại say rồi **phải không**? (d) Về **bao giờ** thế? (e) **Sao** không vào tôi chơi?

24. (a) Có lẽ vì thế mà thứ bánh đúc này thỉnh thoảng mới làm **chăng**?

 (b) **Ai** bảo rằng bánh đúc nộm hay bánh đúc nham là thứ quà nhà quê?

25. (a) Thế là tại **làm sao**? (b) Ờ nhỉ, **sao** cùng là thịt mỡ ngày Tết, mà thịt mỡ ở Bắc ăn mãi không thấy ngán, còn ở đây ăn hai miếng rồi, bắt ăn miếng thứ ba thì cổ đứ ra không nuốt được?

 (c) Có lẽ tại cái mỡ ở Nam nó khác ở Bắc **chăng**? (d) **Hay** tại trời ở Bắc rét, thân thể cần nhiều nhiên liệu để đốt, nên mỡ là một yếu tố cần thiết, vì thế ta ăn vào không thấy ngán?

26. (a) Bảo nóng **ư**? (b) Bảo rét **ư**?

27. (a) Thường tình, ai cũng ưa hiện tại bởi vì hiện tại chờ đợi những đổi thay, hứa hẹn những tương lai hứa hẹn, thế mà **làm sao** anh cứ băn khoăn mãi với quá khứ làm gì? (b) **Hay** là tại sầu nhiều **chăng**? (c) Giận nhiều **chăng**?

28. (a) Phải người trăng gió vật vờ **hay sao**?

 (b) Mắt xanh chẳng để ai vào, có **không**?”

29. Rằng: “**Sao** trong tiết thanh minh,

 Mà đây hương khói vắng tanh thế mà?”

30 (a) Khi sao phong gấm rủ là,

 Giờ **sao** tan tác như hoa giữa đường?

 (b) Mặt **sao** dày gió dạn sương

 Thân **sao** bướm chán ong chường bấy thân?

 (c) Mặc người mưa Sở, mây Tần,

 Những mình nào biết có xuân là **gì**?

**Bài 2.** Căn cứ vào đặc điểm hình thức của câu nghi vấn để xác định câu nghi vấn. Sau đó, căn cứ vào hoàn cảnh sử dụng cụ thể để xác định mục đích sử dụng thực tế của các câu nghi vấn đó.

1. *Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à?* (Khẳng định anh Dậu còn sống với sắc thái mỉa mai)

2. *Sợ gì?* (Dùng để phủ định việc “sợ” của Dế Mèn với sắc thái kiêu ngạo)

3. *Tôi biết làm thế nào bây giờ?* (Dùng để phủ định việc “biết làm” của Dế Mèn với sắc thái hối hận)

4. *Lượm ơi, còn không?* (dùng để bộc lộ cảm xúc thương xót, hối hận)

5. *Mà sao nên lũy nên thành tre ơi?* (Dùng để bộc lộ cảm xúc – là câu hỏi tu từ thể hiện sự ngạc nhiên, thán phục, tự hào về cây tre Việt Nam)

6. *Việc gì còn phải chờ khi khác?* (Dùng để phủ định việc “phải chờ” với sắc thái thân mật)

7. *Cả đàn bò giao cho thằng bé người không ra người ngợm không ra ngợm ấy, chăn dắt làm sao?* (Dùng để phủ định việc “chăn dắt bò của Sọ Dừa”, với sắc thái phân vân, nghi ngờ)

8. *Đã ăn thịt còn lo liệu thế nào?* (dùng để phủ định việc “lo liệu được” với sắc thái lo lắng)

9. *Biển này sao không có cá nhỉ?* (dùng để yêu cầu Mã Lương vẽ thêm cá)

10. *Tại sao mẹ lại khóc*? (Dùng để hỏi)

11. *Em là ai ? Cô gái hay nàng tiên?
 Em có tuổi hay không có tuổi?
 Mái tóc em đây, hay là mây là suối?
 Đôi mắt em nhìn hay chớp lửa đêm giông?
 Thịt da em hay là sắt là đồng?*

(Câu hỏi tu từ thể hiện sự ngưỡng mộ, ngạc nhiên, thán phục, yêu mến, tự hào trước vẻ đẹp tâm hồn, nghị lực phi thường của người nữ chiến sĩ cách mạng)

12. *Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không?*(Dùng để hỏi)

13. *Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế?* (Câu hỏi tu từ có tác dụng mở ra một vấn đề trong các đoạn văn nghị luận)

14. Các câu nghi vấn trong đoạn thơ đều là những câu hỏi tu từ thể hiện sự hồi tưởng về quá khứ oai hùng, tươi đẹp của con hổ với sắc thái tiếc nuối, day dứt khôn nguôi.

15. *Ai dám bảo thảo mộc tự nhiên không có tình mẫu tử?* (Dùng để phủ định)

16. *Văn là gì? Chương là gì?* (Có tác dụng mở ra (dẫn vào đề) một vấn đề trong đoan văn nghị luận)

**Bài 3.** Chú ý đến sự khác nhau giữa các cặp phụ từ trong hai câu nghi vấn đã cho

Câu 1: có…không

Câu 2: đã…chưa

🡪 Cặp phụ từ đã…chưa có hàm ý rằng quá trình “nhận” đã hoặc đang diễn ra, người mẹ muốn hỏi về kết quả của quá trình đó.

Bài 4. Chú ý đến vị trí từ để hỏi về thời gian trong câu. Khi từ nghi vấn thời gian đứng đầu câu, sự việc hỏi đến chưa diễn ra (dự định sẽ diễn ra trong tương lai). Khi từ nghi vấn thời gian đứng cuối câu, sự việc hỏi đến đã diễn ra trong quá khứ.

Bài 5. Câu “Còn thằng Tẽo đâu” là câu nghi vấn.

Tham khảo cách điền dấu câu sau:

(1) Còn thằng Tẽo đâu?

(2) Bà hỏi thằng Tẽo đâu.

Bài 6. Căn cứ vào mục đích đã cho trong bài tập để đặt câu thích hợp.

Tham khảo các câu sau:

(1) Cậu có thể đèo tớ về nhà được không?

(2) Cho tớ mượn cái bút này nhé?

Bài 7.

a. Tác dụng của câu hỏi tu từ thể hiện sự bâng khuâng, nhớ tiếc những con người giữ hồn xưa dân tộc như ông đồ, đồng thời cũng thể hiện sự tiếc nuối về những nét đẹp phong tục truyền thống đã dần bị mai một.

b. Thể hiện sự nuối tiếc khôn nguôi về quá khứ oanh liệt, oai hùng của con hổ.

**CÂU CẦU KHIẾN**

**I. CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**1.** Câu cầu khiến (câu khiến, câu mệnh lệnh, câu lệnh) có mục đích nói đích thực là yêu cầu, nêu mệnh lệnh, thúc giục, khuyên bảo, đề nghị…để người nghe thực hiện (hay đừng thực hiện) một hành động hay một trạng thái nào đó.

**2.** Các đặc điểm hình thức của câu cầu khiến thường được nhắc đến là:

**a.** Câu cầu khiến chứa các phụ từ đứng trước động từ: *hãy, đừng, chớ…*

Ví dụ:

(1) ***Hãy*** *nhớ lấy lời tôi!*

(2) *Mẹ ơi, con là người đấy. Mẹ* ***đừng*** *vứt con đi mà tội nghiệp.*

 (Sọ dừa)

**b.** Câu cầu khiến chứa các từ đứng sau động từ: *đi, thôi, nào…*

Ví dụ:

(1) *Con nín* ***đi****! Mợ đã về với các con rồi mà.*

 (Nguyên Hồng)

(2) *Đi về* ***nào****!*

(3) *Đi xem phim* ***thôi****!*

**c.** Câu cầu khiến chứa các động từ tình thái: *nên, cần, phải…*ở trước vị ngữ của câu

Ví dụ

(1) *Anh* ***nên*** *thương cô ấy, đừng* ***nên*** *cưới người ta ít ngày, bây giờ bỏ mặc người ta dang dở.*

 (Trần Đình Vân)

(2) *Chúng ta* ***cần******phải*** *thay đổi tư duy trong thời đại mới này.*

**d.** Có chứa ngữ điệu cầu khiến.

Ví dụ: *Đồ ngu! Đòi một cái máng thật à? Một cái máng thì thấm vào đâu!* ***Đi tìm lại con cá và đòi một cái nhà rộng.***

 (Ông lão đánh cá và con cá vàng)

**3.** Câu cầu khiến được đặt với các phương diện hình thức khác nhau có tác dụng sắc thái tình cảm khác nhau. Khi sử dụng câu cầu khiến, cần lưu ý để dùng đúng với quan hệ giữa người nói với người nghe và phù hợp với hoàn cảnh gia tiếp.

***a. Sự khác nhau về sắc thái tình cảm giữa câu cầu khiến với hình thức có chủ ngữ và không có chủ ngữ***

(1) *Bác bơm hộ cháu cái xe.*

(Chủ ngữ bác trong câu thể hiện sắc thái kính trọng, lễ phép, lịch sự)

(2) *Bơm hộ cái xe.*

(Sự vắng mặt của chủ ngữ trong câu tạo sắc thái suồng sã, thân mật khi nói với người bằng tuổi hoặc bằng vai giao tiếp. Nhưng trong trường hợp trẻ con nói với người lớn thì lại mang sắc thái thiếu tôn trọng (bị coi là nói trống không)

***b. Các từ xưng hô trong câu cầu khiến khác nhau thể hiện sắc thái tình cảm khác nhau:***

(1) *Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!*

(Sắc thái tình cảm van xin, thể hiện quan hệ dưới-trên)

(2) *Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!*

(Sắc thái tình cảm lạnh lùng, thể hiện quan hệ ngang hàng)

(3) *Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!*

(Sắc thái tình cảm thách thức, thể hiện quan hệ trên-dưới)

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP**

**Bài 1.** **Tìm các câu cầu khiến trong các câu dưới đây và chỉ ra những dấu hiệu hình thức của các câu cầu khiến đó.**

1. Đừng cho gió thổi nữa! Đừng cho gió thổi nữa!

 (Cây bút thần)

2. Con trăn ấy là của vua nuôi đã lâu. Nay em giết nó, tất không khỏi bị tội chết. Thôi bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn đi. Có chuyện gì để anh ở nhà lo liệu.

 (Thạch Sanh)

3. Đã ăn thịt còn lo liệu thế nào? Mày đừng có làm dại mà bay mất đầu, con ạ!

 (Em bé thông minh)

4. Bưởi ơi nghe ta gọi

 Đừng làm cao

Đừng trốn tránh

 Lên với tao

 Vui tiếp nào…

 (Chuyện về Lương Thế Vinh)

5. Xin bệ hạ hoàn lại gươm cho Lạc Long Quân.

 (Sự tích Hồ Gươm)

6.Ngày mai chúng ta được đi tham quan nhà máy thủy điện đấy.

7*.* Con đừng lo lắng, mẹ sẽ luôn ở bên con.

8.Ồ, hoa nở đẹp quá!

9*.* Hãy đem những chậu hoa này ra ngoài sân sau.

10*.* Bạn cho mình mượn cây bút đi.

11*.* Chúng ta về thôi các bạn ơi.

12.Lấy giấy ra làm kiểm tra!

13.Chúng ta phải ghi nhớ công lao các anh hùng liệt sĩ.

14. Vua rất thích thú vội ra lệnh :
- Hãy vẽ ngay cho ta một chiếc thuyền ! Ta muốn ra khơi xem cá .
[ ... ]
Thấy thuyền còn đi quá chậm , vua đứng trên mũi thuyền kêu lớn :
- Cho gió to thêm một tí! Cho gió to thêm một tí!

                                                                    (Cây bút thần)

15. Vua cuống quýt kêu lên :
- Đừng cho gió thổi nữa! Đừng cho gió thổi nữa!
                                                                    (Cây bút thần)

16. Ở đây cấm hút thuốc lá.

17. Các cháu ơi, giữ trật tự chứ!

18. Đang ngồi đọc sách, tôi bỗng nghe thấy tiếng hắn ta:

- Mở cửa!

19. Tôi sửng sốt nhìn anh ta. Nhưng hai anh lính khác giục tôi:

- Chạy mau đi!

 (Anh Đức)

20. Anh nói nữa đi! – Ông giục

- Báo cáo hết!

 (Nguyễn Thành Long)

21. Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. Rồi may ra ông trời cho khá…

 (Kim Lân)

22. Ông lão ơi! Đừng băn khoăn quá! Thôi hãy về đi.

 (Ông lão đánh cá và con cá vàng)

23. Hãy vẽ ngay cho ta một chiếc thuyền! Ta muốn ra khơi xem cá.

 (Cây bút thần)

24. Nay chúng ta đừng làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được không.

 (Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng)

25. Bác làm ơn cho cháu mượn cái xe một lúc ạ!

26. Cụ hãy quát mấy bà vợ đang xưng xỉa chực tâng công với chồng:

- Các bà đi vào trong nhà; đàn bà chỉ lôi thôi, biết gì!

Rồi quay lại bọn người làng, cụ dịu giọng hơn một chút:

- Cả các ông, các bà nữa, về đi thôi chứ! Có gì mà xúm lại như thế này?

 (Nam Cao)

27. Thấy Chí Phèo không nhúc nhích, cụ tiếp luôn:

- Nào đứng lên đi. Cứ vào đây uống nước đã. Có cái gì, ta nói chuyện với nhau, thế nào cũng xong. Người lớn cả, chỉ một câu chuyện với nhau là đủ. Chỉ tại thằng lí Cường nóng tính, không nghĩ trước sau. Ai chứ anh với nó còn có họ cơ đấy.

 (Nam Cao)

28. Rồi ném bẹt năm hào xuống đất, cụ bảo hắn:

- Cầm lấy mà cút, đi đi cho rảnh. Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi à?

 (Nam Cao)

29. Ông đã trả lời quản ngục:

- Ngươi hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều là ngươi đừng đặt chân vào đây.

 (Nguyễn Tuân)

30. Thoi mực thầy mua ở đâu mà tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không?...Tôi bảo thực đấy, thầy Quản nên tìm về nhà quê mà ở, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời thiên lương đi.

 (Nguyễn Tuân)

31. Đây tôi giới thiệu với anh một họa sĩ lão thành nhé. Và cô đây là kĩ sư nông nghiệp. Anh đưa khách về nhà đi. Tuổi già cần nước chè: ở Lào Cai đi sớm quá. Anh hãy đưa ra cái món chè pha nước mưa thơm như nước hoa của Yên Sơn nhà anh.

 (Nguyễn Thành Long)

32. Anh thanh niên đỏ mặt, rõ ràng luống cuống:

- Vâng, mời bác và cô lên chơi. Nhà cháu kia. Lên cái bậc cấp kia, trên ấy có cái nhà đấy. Nước sôi đã có sẵn, nhưng cháu về trước một tí. Bác và cô lên ngay nhé.

 (Nguyễn Thành Long)

33. – Cũng đoàn viên phỏng?

- Vâng. – Cô gái nói sẽ.

- Thôi, chấm dứt tiết mục hái hoa – Người con trai bất chợt quyết định – Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi.

 (Nguyễn Thành Long)

34. – Ta thỏa thuận thế này. Chuyện dưới xuôi, mươi ngày nữa trở lại đây, tôi sẽ kể cho anh nghe. Tôi sẽ trở lại, danh dự đấy. Tôi cũng muốn biết cái yên lặng lúc một giờ sáng chon von trên cao nó thế nào. Bây giờ có cả ba chúng ta đây, anh hãy kể chuyện anh đi. Sao người ta bảo anh là người cô độc nhất thế gian? Rằng anh “thèm” người lắm?

 (Nguyễn Thành Long)

35. Ơ, bác vẽ cháu đấy ư? Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn.

 (Nguyễn Thành Long)

36. Mẹ tôi nói:

- Con hãy nghỉ ngơi vài hôm, đi thăm các nhà bà con một chút rồi mẹ con mình lên đường.

 (Lỗ Tấn)

37. Anh ta ngoảnh đầu lại gọi:

- Thủy Sinh. Con không lạy ông đi kìa!

 (Lỗ Tấn)

38. Mẹ tôi vui vẻ nói:

- Ấy, sao lại khách tình thế! Chẳng phải là trước kia, vẫn gọi nhau bằng anh em cơ mà? Cứ gọi là anh Tấn như trước thôi!

 (Lỗ Tấn)

39. Mẹ tôi nói:

- Cháu Thủy Sinh đấy à? Cháu thứ năm phải không? Toàn là người lạ, chả trách rụt rè là phải. Hoàng đâu, dẫn em ra chơi đi!

 (Lỗ Tấn)

40. Sinh dỗ dành:

- Nín đi con, đừng khóc. Cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi.

 (Nguyễn Dữ)

**Bài 2. Hãy cho biết sắc thái tình cảm biểu hiện trong những câu cầu khiến sau:**1. *Cậu nên đi học đi.*
2. *Đừng nói chuyện!*
3. *Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên Vương.*4. *Cầm lấy tay tôi này!*5*. Đừng khóc.*

**Bài 3.****Tìm các câu cầu khiến trong các câu sau đây? Hãy giải thích vì sao trong các câu cầu khiến này không có chủ ngữ?**

**a.** Ừ, được! Muốn hỏi con gái ta, hãy về sắm đủ một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm sang đây.

 (Sọ Dừa)

**b.** Cho gió to thêm một tí! Cho gió to thêm một tí*!*

**c.** Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu! Mau!

 (*Tắt đèn*, Ngô Tất Tố)

**Bài 4: Tìm các câu cầu khiến trong các câu sau đây. Hãy giải thích vì sao trong các câu cầu khiến đó nhất thiết phải có chủ ngữ?**

**a.** Đứa bé nghe tiếng rao, bỗng dưng cất tiếng gọi:

 - Mẹ ra mời sứ giả vào đây.

 (Thánh Gióng)

**b.** Ông cầm lấy cái này về tâu đức vua xin rèn cho tôi thành một con dao để xẻ thịt chim.
 (Em bé thông minh)

**Bài 5: Từ bài 2 và bài 3 ở trên, em rút ra được lưu ý gì khi sử dụng câu cầu khiến trong cuộc sống thường ngày?**

**Bài 6. Chỉ ra sự khác nhau về hình thức trong các câu cầu khiến sau để thấy sự thay đổi thái độ của người mẹ.**

(1) Mẹ tôi giọng khàn đặc, từ trong màn nói vọng ra:

- Thôi, hai đứa liệu mà chia đồ chơi ra đi.

(2) Đem chia đồ chơi ra đi! – Mẹ tôi ra lệnh

(3) Lằng nhằng mãi. Chia ra! – Mẹ tôi quát và giận dữ đi về phí cổng.

**Bài 7. Đặt các câu cầu khiến để:**

**a.** *Nói với bác hàng xóm cho mượn cái thang.*

**b.** *Nói với mẹ để xin tiền mua sách.*

**c.** *Nói với bạn để mượn quyển vở.*

**d.** *Nhờ chị hướng dẫn bài tập*

**e.** *Rủ em đi xem phim cùng*

**Bài 8. Viết một đoạn văn thuyết minh (từ 10 câu trở lên) về chủ đề bảo vệ môi trường, trong đó có sử dụng ít nhất 2 câu cầu khiến. Gạch chân dưới mỗi câu cầu khiến đó.**

**III. GỢI Ý ĐÁP ÁN**

Bài 1. Dấu hiệu hình thức của các câu cầu khiến được in đậm

1. **Đừng** cho gió thổi nữa!

2. Thôi bây giờ nhân trời chưa sáng em **hãy** trốn đi.

3. Mày **đừng** có làm dại mà bay mất đầu, con ạ!

4. (a) **Đừng** làm cao. (b) **Đừng** trốn tránh.

 (c) Lên với tao (dấu hiệu ngữ điệu cầu khiến) (d) Vui tiếp **nào**…

**5. Xin** bệ hạ hoàn lại gươm cho Lạc Long Quân.

6. Không phải câu cầu khiến.

7. Con **đừng** lo lắng, mẹ sẽ luôn ở bên con.

8. Không phải câu cầu khiến

9. **Hãy** đem những chậu hoa này ra ngoài sân sau.

10. Bạn cho mình mượn cây bút **đi**.

Chúng ta về **thôi** các bạn ơi.

12.Lấy giấy ra làm kiểm tra! (Ngữ điệu cầu khiến)

13.Chúng ta **phải** ghi nhớ công lao các anh hùng liệt sĩ.

14. (a) **Hãy** vẽ ngay cho ta một chiếc thuyền! (b) Cho gió to thêm một tí! (Ngữ điệu cầu khiến)

15. **Đừn**g hút thuốc lá.

16. Các cháu ơi, giữ trật tự chứ! (Ngữ điệu cầu khiến)

17. Mở cửa! (Ngữ điệu cầu khiến)

18. Chạy mau **đi**!

19. Anh nói nữa **đi**!

20. Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. (Ngữ điệu cầu khiến)

21. Thôi hãy về **đi**.

22. **Hãy** cho tôi xem bản kế hoạch kinh doanh!

23. Nay chúng ta **đừng** làm gì nữa, thử xem lão Miệng có sống được không.

24. Bác làm ơn cho cháu mượn cái xe một lúc ạ! (Ngữ điệu cầu khiến)

25. (a) Các bà đi vào trong nhà; đàn bà chỉ lôi thôi, biết gì! (Ngữ điệu cầu khiến)

 (b) Cả các ông, các bà nữa, về **đi thôi** chứ!

26. Nào đứng lên **đi**.

27. Cầm lấy mà cút, đi **đi** cho rảnh.

28. Ta chỉ muốn có một điều là ngươi **đừng** đặt chân vào đây.

29/ Tôi bảo thực đấy, thầy Quản **nên** tìm về nhà quê mà ở, thầy **hãy** thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi **hãy** nghĩ đến chuyện chơi chữ.

30. (a) Anh đưa khách về nhà **đi.**

 (b) Anh **hãy** đưa ra cái món chè pha nước mưa thơm như nước hoa của Yên Sơn nhà anh.

31. Bác và cô lên ngay nhé. (Ngữ điệu cầu khiến)

32. **Thôi**, chấm dứt tiết mục hái hoa

33. Bây giờ có cả ba chúng ta đây, anh **hãy** kể chuyện anh **đi.**

34. Không, không, **đừng** vẽ cháu!

35. Con **hãy** nghỉ ngơi vài hôm, đi thăm các nhà bà con một chút rồi mẹ con mình lên đường.

36. Con không lạy ông **đi** kìa!

37. Cứ gọi là anh Tấn như trước **thôi**!

38. Hoàng đâu, dẫn em ra chơi **đi**!

39. Nín **đi** con, **đừng** khóc.

40. (a) Ta với các ngươi **hãy** tạm sửa lễ cúng Tết trước đã.

 (b) Các ngươi nhớ lấy, **đừng** cho ta là nói khoác!

Bài 2. Căn cứ vào văn cảnh để xác định đúng sắc thái tình cảm qua câu nói:

1. *Cậu nên đi học đi.* (Khuyên nhủ thân tình, nhẹ nhàng)
2. *Đừng nói chuyện!* (yêu cầu một cách áp đặt)
3. *Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên Vương.* (Ra lệnh của người bề trên với người bề dưới)
4. *Cầm lấy tay tôi này!* (yêu cầu một cách thân tình, nhỏ nhẹ)
5*. Đừng khóc.* (yêu cầu một cách áp đặt)

Bài 3. Các câu cầu khiến là:

a. Muốn hỏi con gái ta, hãy về sắm đủ một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm sang đây.

b. Cho gió to thêm một tí! Cho gió to thêm một tí!

c. Nộp tiền sưu! Mau!

🡪 Xác định người nói và người nghe, căn cứ vào quan hệ giữa những người đó mà giải thích tại sao trong các câu cầu khiến đó không có chủ ngữ. (Vì người nói các câu cầu khiến này đều ở vai trên và có uy quyền trong xã hội xưa).

Bài 4. Các câu cầu khiến là:

a. Mẹ ra mời sứ giả vào đây.

b. Ông cầm lấy cái này về tâu đức vua xin rèn cho tôi thành một con dao để xẻ thịt chim.
🡪 Vai của người nói đều là vai dưới nên cần phải nói đầy đủ chủ ngữ thể hiện sự tôn trọng, lễ phép.

Bài 5. Lưu ý khi sử dụng câu cầu khiến trong đời sống (xem ở mục 3 phần củng cố, mở rộng)

Bài 6. Chú ý đến sự có mặt của chủ ngữ “hai đứa” ở câu (1) thể hiện sắc thái tình cảm, nhẹ nhàng. Còn đến câu (2) và (3) thì vắng chủ ngữ thể hiện sắc thái cáu kỉnh, giục giã. Và đến câu (3) chỉ còn 2 từ “Chia ra” vắng mặt của từ “đi” đã làm cho ngữ điệu cầu khiến biến thành một mệnh lệnh áp đặt.

Bài 7. HS tự đặt câu đảm bảo các yêu cầu của đề bài.

Bài 8. HS tự luyện tập viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài.

**CÂU CẢM THÁN**

**I. CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**1.** Câu cảm thán (câu cảm) có mục đích nói đích thực là bộc lộ cảm xúc, tình cảm, thái độ của người nói. Mặc dù ở bình diện nghĩa, bất cứ câu nào cũng có nghĩa tình thái. Nhưng câu cảm thán vẫn là loại câu bộc lộ cảm xúc một cách trực tiếp nhất. Có trường hợp giữa một câu trần thuật và một câu cảm thán đều đề cập đến một sắc thái tình cảm nhưng mục đích của câu trần thuật là thông qua kể, tả để bộc lộ cảm xúc còn câu cảm thán thì bộc lộ trực tiếp cảm xúc. Ví dụ:

- Câu trần thuật: *Chúng tôi thấy rất vui.*

- Câu cảm thán: *Ôi, vui quá!*

**2.** Các đặc điểm hình thức của câu cảm thán thường được nhắc đến là:

**a. Câu cảm thán chứa các từ ngữ cảm thán** (thán từ, tình thái từ): *ôi, than ôi, hỡi ôi, chao ôi, ối giờ, ối giời ơi, trời đất ơi, làng nước ơi, cha mẹ ơi, ô hay, ái chà, úi chà, ồ, ối, ái…*

Ví dụ:

(1) ***Ôi****, con đã cho bố một bất ngờ lớn.*

 (Tạ Duy Anh)

(2) ***Ồ****, em thân yêu, đó chính là kiệt tác của cụ Bơ-men, cụ đã vẽ nó ở đấy vào cái đêm mà chiếc lá cuối cùng đã rụng.*

 (O-hen-ri)

(3) ***Than ôi****! Thời oanh liệt nay còn đâu.*

 (Thế Lữ)

**b. Câu cảm thán chứa các từ chỉ mức độ**: *biết bao, xiết bao, vô cùng, cực kì, biết chừng nào, biết bao, thật, ghê, thay, lạ…*

Ví dụ:

(1) *Tiếc* ***thay*** *nước đã đánh phèn*

 *Mà cho bùn lại vẩn lên mấy lần!*

 (Nguyễn Du)

(2) *Mùa này mà có bắp nướng thì ăn khoái* ***biết bao****!*

(3) *Câu chuyện xúc động* ***vô cùn****g!*

**c. Câu cảm thán có chứa ngữ điệu cảm thán** (đánh dấu bằng dấu chấm than ở cuối câu)

**3.** Câu cảm thán bộc lộ cảm xúc rất phong phú, đa dạng: tự hào, sung sướng, vui mừng, thán phục, đau đớn, hối hận, tiếc nuối, thương xót, trách móc, than vãn…Cho nên việc xác định cảm xúc cho câu cảm thán một mặt phải căn cứ vào từ ngữ cảm thán, mặt khác phải căn cứ vào các từ ngữ, câu biểu thị nội dung (nguyên nhân gây ra cảm xúc)

Ví dụ:

(1) *Đẹp vô cùng, Tổ quốc ta ơi!*

 (Tố Hữu)

(Cảm xúc tự hào về vẻ đẹp của đất nước)

(2) *Ha ha! Cơm nguội! Lại có một bát cá kho!*

 (Nguyễn Đình Thi)

(Cảm xúc vui mừng khi có đồ ăn)

(3) *Nhưng lạ thay! Đứa trẻ cho đến khi lên ba vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.*

 (Thánh Gióng)

(Cảm xúc ngạc nhiên vì đứa bé lên ba không biết nói cười).

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP**

**Bài 1.** **Tìm các câu cảm thán và chỉ ra các dấu hiệu của mỗi câu cảm thán đó.**

1. Ôi quê hương! Mối tình tha thiết

 Cả một đời gắn chặt quê hương.

 (Tế Hanh)

2. Phỏng thử có thằng Chim Cắt nó nhòm thấy, nó tưởng mồi, nó mổ cho một phát, nhất định trúng giữa lưng chú, thì chú có mà đi đời! Ôi thôi, chú mày ơi! Chú mày có lớn mà chẳng có khôn*.*

 (*Dế mèn phiêu lưu ký*, Tô Hoài)

3**.** Nó ghê gớm thật!

4. Ôi! Tôi sẽ nhớ mãi buổi học cuối cùng này!

5. Nhân vẫn gào lên, giọng the thé:

- Khốn nạn em tôi! Khổ thân em tôi! Em làm gì mà lại khổ thế em ơi!

 (Chu Văn)

6. Than ôi! Sức người khó lòng địch nổi với sức trời! Thế đê không thể địch nổi với thế nước! Lo thay! Nguy thay! Khúc đê này hỏng mất!

 (Phạm Duy Tốn)

7. Thương thay cũng một kiếp người

 Hại thay mang lấy sắc tài làm chi!

 (Nguyễn Du)

8. Bỗng lòe chớp đỏ

 Thôi rồi, Lượm ơi!

 Chú đồng chí nhỏ

 Một dòng máu tươi

 (Tố Hữu)

9. Gặp ai, người ta chưa kịp trông thấy cậu, cậu đã chào người ta trước bô bô. Cậu hỏi người ta “Có phát tài không?”, “Lúa tốt không?”, “Cháu có chịu chơi không?”. Con người nhũn nhặn!

 (Nam Cao)

10. Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa? Những đường hầm bí mật chắc còn khướt lắm. Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá.

 (Kim Lân)

11. Không để cho đứa con kịp trả lời, ông lão nhỏm dậy vơ lấy cái nón:

- Ở nhà trông em nhá! Đừng có đi đâu.

 (Kim Lân)

12. – Trời ơi. Chỉ còn năm phút!

Chính là anh thanh niên giật mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ.

 (Nguyễn Thành Long)

13. Cô gái cũng đứng lên, đặt lại chiếc ghế, thong thả đi đến chỗ bác già.

- Ôi! Cô còn quên chiếc mùi xoa đây này!

Anh thanh niên vừa vào kêu lên.

 (Nguyễn Thành Long)

14. Ái chà! Anh bây giờ là quan rồi mà bảo là không sang trọng? Những ba nàng hầu. Mỗi lần đi đâu là ngồi kiệu lớn tám người khiêng, còn bảo là không sang trọng? Hừ! Chẳng cái gì giấu nổi chúng tôi đâu!

 (Lỗ Tấn)

15. Trong lúc gia đình nhốn nháo, thằng bồi tiềm đã đến được đúng một nghìn tám trăm bảy mươi hai câu gắt: “Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!” của cụ cố Hồng.

 (Vũ Trọng Phụng)

16. Cụ cố Hồng đã nhắm nghiền mắt lại để mơ màng đến cái lúc cụ mặc đồ xô gai, lụ khụ chống gậy, vừa ho khạc vừa khóc mếu, để cho thiên hạ phải chỉ trỏ: “Úi kìa, con giai nhớn đã già thế kia kìa!”.

 (Vũ Trọng Phụng)

17. Ối làng nước ôi! Cứu tôi với…Ối làng nước ôi! Bố con thằng Kiến nó đâm chết tôi! Thằng lí Cường nó đâm chết tôi rồi, làng nước ôi!

 (Nam Cao)

18. Hắn cầm lấy bát cháo đưa lên mồm. Trời ơi cháo mới thơm làm sao! Chỉ khói xông vào mũi cũng đủ làm người nhẹ nhõm.

 (Nam Cao)

19. Cốm ăn với hồng. Còn gì ngon hơn thế!

20. Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi…

 (Nam Cao)

21. Thật là dễ chịu! Đôi bàn tay em hơ trên ngọn lửa; bên tay cầm diêm, ngón cái nóng bỏng lên.

 (An-đét-xen)

22. Sao mà cái đời nó tù túng, nó chật hẹp, nó bần tiện thế!

 (Nam Cao)

23. Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng

 Vàng rơi! Vàng rơi: Thu mênh mông.

 (Bích Khê)

24. Chao ôi! Mong nhớ! Ôi mong nhớ!

 Một cánh chim thu lạc cuối ngàn.

 (Chế Lan Viên)

25. Chao ôi! Thu đã tới rồi sao?

 Thu trước vừa qua mới độ nào

 Mới độ nào đây, hoa rạn vỡ,

 Nắng hồng choàng ấp dãy bang cao.

 (Chế Lan Viên)

26. Ôi! Nắng vào sao mà nhớ nhung!

 Có ai đàn lẻ để tơ chùng?

 Có ai tiễn biệt nơi xa ấy

 Xui bước chân đây cũng ngại ngùng…

 (Huy Cận)

27. Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!

 Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời

 Miền Nam đang thắng, mơ ngày hội

 Rước Bác vào thăm, thấy Bác cười!

 (Tố Hữu)

28. Ôi những cánh đồng quê chảy máu,

 Dây thép gai đâm nát trời chiều.

 Những đêm dài hành quân nung nấu

 Bỗng bồn chồn nhớ mắt người yêu.

 (Nguyễn Đình Thi)

29. Thương thay cho những kiếp đời sống mòn!

30. Quê hương em biết bao tươi đẹp

 Đồng lúa xanh núi rừng ngàn cây

 Khi mùa xuân thắm tươi đang trở về

 Ngàn lời ca vui mừng chào đón

 Thiết tha tình quê hương.

 (Nhạc dân ca Nùng, lời: Anh Hoàng)

**Bài 2: Chỉ ra các cảm xúc mà mỗi câu cảm thán dưới đây biểu thị.**

1. Khốn nạn! Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi.

 (Tắt đèn, Ngô Tất Tố)

2. Ha ha! Một lưỡi gươm!

 (Sự tích Hồ Gươm)

3. Nó ngắm nhìn cảnh biển mơ màng trong sương sớm:

 - Đẹp quá! Chưa ở đâu biển lại yên bình như ở đây.

4. Đồ ngu! Ngốc sao ngốc thế! Đòi một cái nhà thôi à? Trời! Đi tìm ngay con cá và bảo nó rằng ta không muốn làm một mụ nông dân quèn, ta muốn làm một bà nhất phẩm phu nhân kia.

 (Ông lão đánh cá và con cá vàng)

5. Ôi! Tai họa lớn của xứ An-dát chúng ta là bao giờ cũng hoãn việc học đến ngày mai.

6. […] Còn dòng sông thì không còn cái vẻ ồn ào hung dữ của một dòng nước đang cuộn chảy, mà nom im lặng, nhỏ bé và hiền lành biết bao giữa núi rừng rộng lớn.

- Đẹp quá!

Tiếng anh Hoan thì thào bên tai tôi.

 (Trần Kim Thành)

**Bài 3. (\*) Đọc đoạn văn sau, chỉ ra câu cảm thán và cho biết thái độ, sự đánh giá của người viết đối với việc cắt cử của làng Chuột?**

 *Không biết cử ai vào việc đại sự ấy, bất đắc dĩ làng cắt ông Cống phải đi, vì chính ông Cống đã xướng lên cái thuyết đeo nhạc vậy.*

 *Ấy mới khốn! Nhưng Cống ta trong lòng tuy nao, mà ngoài mặt làm ra bộ bệ vệ kẻ cả, nói rằng:*

*- Tôi đây, chẳng gì nhờ tổ ấm cũng được vào bậc ông Cống, ông Nghè, ăn trên ngồi trước trong làng, có đâu làng lại cắt tôi đi làm cái việc tầm thường ấy được! Trong làng ta nào có thiếu chi người! Tôi xin cử anh Nhắt, anh ấy nhanh nhảu chắc làm được việc.*

 *Ấy mới hay! Nhưng Nhắt ta trở mặt láu, cãi lí rằng:*

*- Làng cắt tôi đi, tôi cũng xin vâng, không dám chối từ. Nhưng tôi, dù bé vậy, mà cũng còn ở chiếu trên, chưa đến nỗi nào. Ông Cống không đi, phải; tôi đây không đi, cũng phải. Để xin cắt anh Chù, anh ấy tuy chậm, nhưng chắc chắn, làng không lo hỏng việc.*

 *Ấy mới không có gì lạ!*

 (Đeo nhạc cho mèo)

**Bài 4. Hãy đặt câu cảm thán nhằm bộc lộ cảm xúc trước các sự việc sau.**

**a.** *Được nhận quà sinh nhật.*

**b.** *Được nhìn thấy một con vật lạ.*

**c.** *Bị mất đồ.*

**d.** *Được cô giáo khen.*

**e.** *Được gặp thần tượng.*

**Bài 5. Viết đoạn văn (từ 15 câu trở lên), trong đó có sử dụng 1 câu cầu khiến, 3 câu cảm thán. Gạch chân và chú thích cho mỗi câu đó.**

**III. GỢI Ý ĐÁP ÁN**

Bài 1. Dấu hiệu nhận biết được in đậm:

1. **Ôi** quê hương!

2. **Ôi thôi**, chú mày ơi!

3. Nó ghê gớm **thật**!

4. **Ôi**! Tôi sẽ nhớ mãi buổi học cuối cùng này!

5. **Khốn nạn** em tôi!

6. (a) **Than ôi**! (b) Lo **thay**! (c) Nguy **thay**!

7. Thương **thay** cũng một kiếp người

8. Thôi rồi, Lượm ơi! (Ngữ điệu cảm thán)

9. Con người nhũn nhặn! (Ngữ điệu cảm thán)

10. **Chao ôi**!

11. Không có câu cảm thán

12. **Trời ơi**.

13. **Ôi**!

14. (a) **Ái chà**! (b) **Hừ**!

15. Biết rồi, khổ lắm, nói mãi! (Ngữ điệu cảm thán bực tức)

16. **Úi kìa**, con giai nhớn đã già thế kia kìa!

17. (a) **Ối** **làng nước** **ôi**! (b) **Ối làng nước ôi**! (c) Thằng lí Cường nó đâm chết tôi rồi, **làng nước ôi**!

18. **Trời ơi** cháo mới thơm làm sao!

19. Còn gì ngon hơn thế! (Ngữ điệu cản thán)

20. **Chao ôi**!

21. Thật là dễ chịu! (Ngữ điệu cảm thán)

22. Sao mà cái đời nó tù túng, nó chật hẹp, nó bần tiện thế! (Ngữ điệu cảm thán)

23. **Ô**!

24. (a) **Chao ôi**! (b) **Ôi** mong nhớ!

25. **Chao ôi**!

26. **Ôi**!

27. Bác đã đi rồi sao, Bác ơi! (Ngữ điệu cảm thán)

28. **Ôi** những cánh đồng quê chảy máu

29. Thương **thay** cho những kiếp đời sống mòn!

30. Quê hương em **biết bao** tươi đẹp

Bài 2.

1. Cảm xúc than vãn, than thở

2. Cảm xúc vui mừng, ngạc nhiên

3. Cảm xúc chê bai, bực tức

4. Cảm xúc thương xót

5. Cảm xúc buồn, đau xót

6. Cảm xúc vui mừng, thán phục.

Bài 3. Các câu cảm thán trong đoạn trích thể hiện sự thay đổi của người viết trước mỗi sự việc trong cuộc họp cắt cử công việc “đeo nhạc cho mèo” ở làng chuột:

- “Ấy mới khốn!” - Thể hiện sự cảm thông đối với việc chuột Cống bị cắt cử thực hiện công việc mà chính Cống đã nghĩ ra.

- “Ấy mới hay!” – Thể hiện sự mỉa mai trước việc chuột Cống đẩy việc được cắt cử cho chuột Nhắt, có ý chờ đợi những bất ngờ mới trong việc cắt cử của làng chuột.

- “Ấy mới không có gì lạ!” – Thể hiện sự coi thường trước việc làng chuột thay nhau đẩy công việc khó khăn cho kẻ khác.

Bài 4. HS xác định cảm xúc xuất hiện trước những sự việc đã cho, từ đó chọn các từ ngữ cảm thán thích hợp để đặt câu.

Bài 5. HS tự viết đoạn văn.

**CÂU TRẦN THUẬT**

**I. CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**1.** Câu trần thuật là loại câu không chứa dấu hiệu của các kiểu câu cầu khiến, câu nghi vấn, câu cảm thán. Cuối câu trần thuật thường đặt dấu chấm.

Ví dụ:

 *Bên cạnh thơ ca tuyên truyền được sáng tác một cách bền bỉ, dồi dào, thời kì này, Hồ Chí Minh còn có mảng thơ trữ tình nghệ thuật đặc sắc*.

 (Nguyễn Hoàng Khung)

**2.** Mục đích của câu trần thuật rất đa dạng chính vì thế mà đây là loại câu có tần số sử dụng rất cao trong đời sống:

**a. Để kể:**

*Vào đêm trước ngày khai trường của con, mẹ không ngủ được.*

 (Lí Lan)

**b. Để nhận xét:**

*Con là một đứa trẻ nhạy cảm.*

 (Lí Lan)

**c. Để miêu tả**

 *Trên các miền núi láng giềng, nắng hanh như rây bột nghệ và đá núi lượn như xô bồ những con sóng đời đời không chịu tan.*

 (Nguyễn Tuân)

**d. Để thông báo**

*Cậu về chuẩn bị mọi thứ, tuần sau sẽ đi công tác cùng với đoàn thanh tra.*

**e. Để giới thiệu:**

*Ngày xưa, ở quận Cao Bình có hai vợ chồng tuổi già mà chưa có con*.

 (Thạch Sanh)

**g. Để giải thích**

 *Kẻ ở cạn, người ở nước, tính tình, tập quán khác nhau, khó mà ăn ở cùng nhau một nơi lâu dài được.*

 (Con Rồng cháu Tiên)

**h. Để hứa hẹn:**

*Thôi thì ngày mai, ai đem sính lễ đến trước, ta sẽ cho cưới con gái ta.*

 (Sơn Tinh, Thủy Tinh)

**3**. Câu trần thuật còn sử dụng các động từ: *yêu cầu, đề nghị, khuyên, xin lỗi, cảm ơn, đảm bảo, hứa, chào, hỏi…*.làm vị ngữ để thực hiện các mục đích do các động từ đó biểu thị:

Ví dụ:

- Yêu cầu: *Tôi yêu cầu anh mang ngay báo cáo cho tôi.*

- Đề nghị: *Tôi đề nghị các bạn không nói chuyện riêng.*

- Khuyên: *Tôi khuyên anh không nên hút thuốc.*

- Xin lỗi: *Tôi xin lỗi bạn.*

- Cảm ơn: *Tớ cảm ơn cậu đã tặng món quà rất đẹp.*

- Chào: *Cháu chào bác ạ.*

- Hỏi: *Tớ hỏi cậu sao hôm qua không tham gia học nhóm.*

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP**

**Bài 1. Nêu mục đích cụ thể của những câu trần thuật dưới đây**

1. (a) Mỗi câu “chối này” chị Cốc lại giáng một mỏ xuống. (b) Mỏ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất.

 (Tô Hoài)

2. (a) Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện. (2) Trên thì trời xanh, dưới thì nước xanh, chung quanh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá.

 (Đoàn Giỏi)

3. Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo vì mặt nó luôn bị chính nó bôi bẩn.

 (Tạ Duy Anh)

4. Những động tác thả sào, rút sào rập sàng nhanh như cắt.

 (Đoàn Giỏi)

5. Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dạy các con.

6. Cầu Long Biên bắc qua sông Hồng, Hà Nội, được khởi công xây dựng vào năm 1898 và hoàn thành sau bốn năm, do kiến trúc sư nổi tiếng người Pháp Ép-phen thiết kế.

 (Thúy Lan)

7. Ông cụ giáo Khuyến tựa trên chiếc gậy song đang đứng bên phản.

 (Nguyễn Minh Châu)

8. Tôi là con gái Hà Nội.

 (Lê Minh Khuê)

9. Những tia nắng sớm đang từ từ di chuyển từ mặt nước lên những bãi bờ bên kia sông.

 (Nguyễn Minh Châu)

10. Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng.

 (Nguyễn Đình Thi)

11. Bác đi chợ về ạ.

12. (a) Ăn trầu cau là phong tục cực kì lâu đời ở Việt Nam, nó cũng phổ biến khắp Đông Nam Á cổ đại. (b) Miếng trầu gồm một miếng cau, một lá trầu quệt vôi, phụ thêm một miếng vỏ cây chát (gọi là miếng rễ), người ta nhai rồi nhả nước và nhả bã.

 (Trần Ngọc Thêm)

13. Một người tù, cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng trên mảnh ván.

 (Nguyễn Tuân)

14. (a) Ở đây lẫn lộn. (b) Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đây đi.

 (Nguyễn Tuân)

15. Công ty chúng tôi cam kết cung cấp hàng chất lượng cao, mẫu mã đẹp.

16. (a) Tự kiêu tự đại là khờ dại. (b) Vì mình hay, còn nhiều người hay hơn mình.

 (Hồ Chí Minh)

17. Một bó hành hoa xanh như lá mạ, dăm quả ớt đỏ buộc vào một cái dây, vài miếng thịt bò tươi và mềm, chín có, tái có, sụn có, mỡ gầu có, vè cũng có.

 (Vũ Bằng)

18. (a) Thôi, em chào cô ở lại. (b) Chào tất cả các bạn tôi đi.

 (Khánh Hoài)

19. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào thân đấy.

 (Tô Hoài)

20. (a) Cái đầu thì trọc lốc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất câng câng, hai mắt gườm gườm trông gớm chết. (b) Hắn mặc quần nái đen với cái áo tây vàng. (c) Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ rồng phượng với mộng ông tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế.

 (Nam Cao)

**Bài 2. Cho biết các câu có chứa từ “hứa” sau đây thực hiện những mục đích gì và xác định kiểu câu theo mục đích nói ở những câu đó.**

- Em để nó ở lại – Giọng em ráo hoảnh – (1) Anh phải hứa với em không bao giờ để chúng nó ngồi cách xa nhau. Anh nhớ chưa? (2) Anh hứa đi.

- (3) Anh xin hứa.

 (Khánh Hoài)

**Bài 3. Chuyển những câu sau thành câu trần thuật mà vẫn giữ được mục đích của câu nói.**

Mẫu: *Anh uống trà đi.*

🡪 Tôi mời anh uống trà.

1. Anh nên xin lỗi cô ta đi.

2. Ông giáo hút trước đi.

3. Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão?

4. Làm sao cậu khóc?

5. Đi nhanh thôi các bạn.

6. Em thích ăn phở hay bún chả?

7. Cô đừng lo nghĩ nhiều quá.

8. Mấy giờ rồi nhỉ?

9. Tuần sau anh đi công tác ở đâu?

10. Các bạn hãy cho ý kiến về bản kế hoạch vừa rồi.

**Bài 4. Viết một đoạn văn thuyết minh hoặc nghị luận (15 câu) trong đó có sử dụng câu trần thuật, câu cầu khiến, câu hỏi. Gạch chân và chú thích dưới mỗi kiểu câu.**

**III. GỢI Ý ĐÁP ÁN**

Bài 1.

1. (a) kể; (b) Miêu tả

2. Cả 2 câu đều để kể

3. Giới thiệu

4. Nhận xét

5. Tuyên bố

6. Giới thiệu

7. Miêu tả

8. Giới thiệu

9. Miêu tả

10. Đánh giá, nhận định

11. Để chào

12. (a), (b) giới thiệu

13. Miêu tả

14. (a) nhận xét; (b) khuyên nhủ

15. Hứa hẹn, cam kết

16. (a) nhận xét, đánh giá; (b) giải thích

17. Miêu tả

18. (a), (b) chào

19. Khuyên bảo

20. Cả 3 câu đều có mục đích miêu tả.

Bài 2.

1. Câu trần thuật có mục đích yêu cầu.

2. Câu cầu khiến có mục đích thúc giục.

3. Câu trần thuật có mục đích hứa.

Bài 3. Tham khảo cách chuyển câu sau:

1. Tôi khuyên anh nên xin lỗi cô ta đi.

2. Tôi mời ông giáo hút trước.

3. Tôi hỏi ông nhà mình sung sướng gì mà giúp lão.

4. Tôi hỏi làm sao cậu khóc?

5. Tôi thấy chúng ta cần đi nhanh lên các bạn.

6. Tôi hỏi em thích ăn phở hay ăn bún chả.

7. Tôi khuyên cô đừng lo nghĩ nhiều quá.

8. Tôi hỏi em mấy giờ rồi?

9. Tôi hỏi anh tuần sau đi công tác ở đâu.

10. Tôi mời các bạn cho ý kiến về bản kế hoạch vừa rồi.

Bài 4. HS tự luyện viết đoạn văn theo yêu cầu.

**CÂU PHỦ ĐỊNH**

**I. CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**1.** Câu phủ định là câu trong cấu tạo hình thức của nó có chứa từ ngữ phủ định.

Ví dụ:

(1) Trong trời đất này, không gì quý bằng hạt gạo.

 (Bánh chưng, bánh giầy)

(2) Đứa trẻ cho đến khi lên ba vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy

 (Thánh Gióng)

**2.** Các từ ngữ phủ định thường gặp là:

***a. Không, chưa, chẳng, chả….***

(1) Vừa mừng vừa sợ, Lý Thông **không** biết làm thế nào

 (Thạch Sanh)

(2) Những ý tưởng ấy tôi **chưa** lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết

 (Thanh Tịnh)

(3) Cụ cứ tưởng thế đấy chứ nó **chả** hiểu gì đâu.

 (Nam Cao)

***b. Không phải (là); chẳng phải (là); chả phải (là); chưa phải là….***

(1) **Không phải** là nó đến đâu.

(2) **Chưa phải** là trời sáng.

(3) Cũng **chả phải** tôi mong nhớ gì cô ta.

***c. Các từ: đâu, đâu có, đâu có phải (là), làm gì có, thế nào được, có…đâu….***

(1) Đâu có chuyện ấy.

(2) Tôi bây giờ có làm gì được đâu.

 (Nam Cao)

(3) Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

 (Thanh Tịnh)

(4) Lạy chị, em nói gì đâu!

 (Tô Hoài)

**3. Phân loại:**

***a. Căn cứ vào phạm vi, mức độ phủ định:***

\* **Câu phủ định toàn bộ:** phủ định toàn bộ sự vật, sự việc (thông báo, xác nhận sự vật, sự việc nào đó không có hoặc không xảy ra)

Ví dụ: *Trường làng nhỏ nên không có phòng riêng của ông đốc.*

 (Thanh Tịnh)

\* **Câu phủ định bộ phận**: câu phủ định một bộ phận trong sự việc

Ví dụ: *Nó chạy không nhanh*. (Phủ định mức độ “nhanh” của hành động “chạy”, nhưng việc “nó chạy” vẫn được xác nhận xảy ra)

***b. Căn cứ vào chức năng của câu phủ định***

\* **Câu phủ định miêu tả**: chức năng thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó ở trong thực tế.

\* **Câu phủ định bác bỏ**: chức năng phản bác một ý kiến, một nhận định nào đó.

**4. Các chức năng của câu phủ định**

**a. Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó ở trong thực tế** (Còn gọi là câu phủ định miêu tả)

Ví dụ: *Tôi không lội qua sông thả diều như thằng Quý và không đi ra đồng nô đùa như thằng Sơn nữa.*

 (Thanh Tịnh)

**b. Phản bác một ý kiến, một nhận định nào đó (**Còn gọi là câu phủ định bác bỏ)

Ví dụ: *Tôi ham ăn cũng chỉ là ăn lá, ăn cỏ, không hề phạm vào cây lúa, cây ngô, lá khoai, quả đậu.*

 (Lục súc tranh công)

**5. Câu có chứa từ phủ định có thể dùng để khẳng định** (Quy tắc phủ định của phủ định là khẳng định)

Ví dụ: *Chúng ta không thể không hành động để bảo vệ môi trường.* (Chúng ta phải hành động để bảo vệ môi trường)

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP**

**Bài 1. Chỉ ra dấu hiệu nhận biết câu phủ định trong các ví dụ sau:**

1. Trong thời thơ ấu tôi chưa lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này.

 (Thanh Tịnh)

2. Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng.

 (Nguyên Hồng)

3. Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì đấy, ông giáo ạ!

 (Nam Cao)

4. Họ không phải trốn tránh như trước mà xông xáo đi tìm giặc. Họ không phải ăn uống khổ cực như trước nữa, đã có những kho lương mới chiếm được của giặc tiếp tế cho họ.

 (Sự tích hồ Gươm)

5. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền.

 (Ngô Tất Tố)

6. Con nhà người ta bảy, tám tuổi đã đi ở chăn bò. Còn mày thì chẳng được tích sự gì.

 (Sọ Dừa)

7. Gần đến ngày giỗ đầu thầy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hóa vẫn chưa về.

 (Nguyên Hồng)

**Bài 2. Chỉ ra sự khác nhau về ý nghĩa của hai câu:**

a. Tôi chưa ăn cơm.

b. Tôi không ăn cơm.

**Bài 3. Có thể thay thế từ “chưa” cho từ “không” trong câu sau không? Vì sao?**

 *Trong bữa cơm, ông nhắc cháu ăn tiếp, cháu trả lời:*

*- Thưa ông, cháu ăn đủ rồi, cháu không ăn nữa ạ*

**Bài 4. Diễn đạt ý nghĩa của các câu sau bằng câu phủ định mà không làm mất đi hoặc thay đổi ý nghĩa căn bản của câu gốc.**

1. Hôm qua, nó ở nhà.

2. Trong giờ học, bạn Nam rất trật tự.

3. Chúng ta cần hành động để bảo vệ môi trường.

4. Ngày Tết, trong nhà phải có cành đào.

5. Mâm cỗ ngày Tết luôn có bánh chưng xanh.

6. Hoa đi ra khỏi nhà từ sáng.

7. Trong trời đất, hạt gạo là quý nhất.

8. Bạn đã quên bao kỉ niệm thời tuổi thơ.

9. Trời vẫn còn tối mà.

10. Bạn Hoài luôn chăm chỉ học tập.

**Bài 5. Các câu sau có ý phủ định không? Phủ định miêu tả hay bác bỏ? Hãy diễn đạt ý nghĩa của các câu đó bằng các câu phủ định tương ứng?**

- Ai lại bán vườn đi mà cưới vợ?

- Vả lại bán vườn đi, thì cưới vợ về, ở đâu?

 (Nam Cao)

**Bài 6. Viết đoạn văn ngắn (Từ 10 đến 15 câu) trong đó có sử dụng cau phủ định miêu tả và câu phủ định bác bỏ. Gạch chân và chú thích dưới mỗi câu đó.**

**III. GỢI Ý ĐÁP ÁN**

Bài 1. Dấu hiệu nhận biết được in đậm

1. Trong thời thơ ấu tôi **chưa** lần nào thấy xa mẹ tôi như lần này.

2. Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc **không** ra tiếng.

3. Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, **chẳng** có giấy má gì đấy, ông giáo ạ!

4. Họ **không phải** trốn tránh như trước mà xông xáo đi tìm giặc. Họ **không phải** ăn uống khổ cực như trước nữa, đã có những kho lương mới chiếm được của giặc tiếp tế cho họ.

5. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy **không** kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền.

6. Con nhà người ta bảy, tám tuổi đã đi ở chăn bò. Còn mày thì **chẳng** được tích sự gì.
7. Gần đến ngày giỗ đầu thầy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hóa vẫn **chưa** về.

Bài 2. Sự khác nhau:

a. Chưa: Phủ định đến thời điểm hiện tại (thời điểm đang nói) người nói “chưa ăn cơm”. Nhưng có thể sau đó một thời gian ngắn thì sự việc ăn cơm sẽ diễn ra.

b. Không: Dùng để phủ định toàn bộ sự việc “ăn cơm” không diễn ra trong thực tế. Hoặc không có sự việc ăn cơm trong thực tế mà sẽ thay thế bằng sự việc khác (ăn phở, ăn bánh, ăn mì…)

Bài 3. Sự việc “cháu ăn” đã diễn ra và sẽ không tiếp tục nữa (do người cháu xác nhận đã “ăn đủ rồi”). Vì thế mà sẽ không dùng được từ “chưa” (Từ “chưa” dùng để biểu thị một sự việc chưa diễn ra trong thực tế).

Bài 4. Có thể tham khảo cách chuyển sau:

1. Hôm qua, nó không đi đâu cả.

2. Trong giờ học, bạn Nam không mất trật tự.

3. Chúng ta không thể không hành động để bảo vệ môi trường.

4. Ngày Tết, trong nhà không thể thiếu cành đào.

5. Mâm cỗ ngày Tết không thể thiếu bánh chưng xanh.

6. Từ sáng, Hoa đã không có ở nhà.

7. Trong trời đất, không gì quý hơn hạt gạo.

8. Bạn không còn nhớ bao kỉ niệm thời tuổi thơ.

9. Trời vẫn chưa sáng đâu.

10. Bạn Hoài không bao giờ sao nhãng học tập.

Bài 5. Các câu đã cho có ý phủ định (phủ định bác bỏ) – Phủ định ý kiến “bán vườn đi để cưới vợ”. Có thể diễn đạt ý nghĩa của các câu đó bằng các câu phủ định sau:

(1)Không ai lại bán vườn đi mà cưới vợ.

(2) Vả lại bán vườn đi, thì cưới vợ về, làm gì có chỗ mà ở.

Bài 6. HS tự luyện tập viết theo yêu cầu đề bài.

**HÀNH ĐỘNG NÓI**

**I. CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**1. Khái niệm:** Hành động nói là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm một mục đích nhất định.

**2. Phân loại**: Dựa theo mục đích của hành động nói, người ta phân ra các nhóm sau:

- ***Nhóm hành động nói nghi vấn:*** *Bạn đi Vũng Tàu chưa?*

***- Nhóm hành động nói trình bày*** (gồm các hành động: *kể, tả, nêu ý kiến, nhận xét, thông báo, xác định, khẳng định, báo cáo, giới thiệu, dự báo, xác nhận*…). Ví dụ: *Tớ đỗ đại học rồi*. (Thông báo).

- ***Nhóm*** ***hành động nói điều khiển*** (gồm các hành động: *yêu cầu, đề nghị, ra lệnh, khuyên bảo, mời gọi, thách thức, nhờ vả*…). Ví dụ: *Cậu cho tớ mượn một cái bút nhé.* (đề nghị).

***- Nhóm hành động nói hứa hẹn*** (gồm các hành động: *hứa, đảm bảo, đe dọa…*). Ví dụ: *Tớ hứa sẽ đến đúng giờ.* (hứa hẹn).

- ***Nhóm hành động nói bộc lộ cảm xúc*** (gồm các hành động: *cám ơn, xin lỗi, than phiền, khen ngợi, chê bai, than thở, ân hận*…). Ví dụ: *Ôi, bạn đó thật tài giỏi!* (cảm thán: khen ngợi).

**3. Cách thức thực hiện hành động nói**

***- Cách trực tiếp:*** Dùng kiểu câu có chức năng chính phù hợp với mục đích của hành động nói.

+ **Ví dụ:** Dùng câu nghi vấn với chức năng chính để hỏi trong hành động nói nghi vấn:

 *“Bao giờ thì cậu đi Nha Trang?”*

***- Cách gián tiếp:*** Dùng kiểu câu lệch với hành động nói (Ví dụ câu nghi vấn dùng trong hành động nói nghi vấn nhưng lại được dùng trong hành động nói điều khiển: *Cậu có thể cho tớ mượn cái bút được không*?).

**4. Bảng phân loại kiểu câu ứng với hành động nói theo cách trực tiếp.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **CÁC HÀNH ĐỘNG NÓI** | **KIỂU CÂU** |
| **1** | Trình bày (*kể, tả, nêu ý kiến, nhận xét, xác nhận, khẳng định, dự báo, thông báo, báo cáo, giới thiệu…*) | Câu trần thuật |
| **2** | Nghi vấn | Câu nghi vấn |
| **3** | Điều khiển (*yêu cầu, đề nghị, ra lệnh, khuyên bảo, mời gọi, thách thức, nhờ vả…*) | Câu cầu khiến |
| **4** | Hứa hẹn (*hứa, đảm bảo, đe dọa…*) | Câu trần thuật |
| **5** | Bộc lộ cảm xúc (*cám ơn, xin lỗi, than phiền, khen ngợi, chê bai, than thở, ân hận*…) | Câu cảm thán |

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP**

**Bài 1: Xác định kiểu hành động nói trong những câu in đậm sau. Cho biết chúng thuộc nhóm hành động nói nào?**

1. Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm:

- **Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.**

 (Tắt đèn, Ngô Tất Tố)

2. Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên cười hỏi:

- Hồng! **Mày có muốn vào Thanh Hóa chơi với mẹ mày không?**

 (Những ngày thơ ấu, Nguyên Hồng)

3. Có người khẽ nói:

- **Bẩm, dễ có khi đê vỡ!**

 (Sống chết mặc bay, Phạm Duy Tốn)

4. Thấy thế, tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Dế Choắt lên mà than rằng:

- **Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nỗi này!**

 (Dế mèn phiêu lưu ký, Tô Hoài)

5. Tôi nghe thấy thầy Ha-men bảo tôi:

- **Phrang ạ, thầy sẽ không mắng con đâu** […]

 (Buổi học cuối cùng, An-phông-xơ-Đô-đê)

6. Chị Dậu nghiến hai hàm răng:

- **(a) Mày trói chồng bà đi, (b) bà cho mày xem!**

 (Tắt đèn, Ngô Tất Tố)

7. **Ngày xưa có một anh nông dân nghèo.**

8. Giám đốc dõng dạc:

- **Tôi xin tuyên bố khai mạc đại hội.**

9. Anh Hưng quả quyết:

- **Ngày mai, anh sẽ đến thăm nhà em.**

10. **Có lẽ anh ấy đến muộn mất.**

11. **Hàng của công ty chúng tôi với chất lượng siêu bền, được bảo hành 3 năm.**

12. (a) **Anh thanh niên làng chỉ có một cái cổng gạch nhỏ, quay lại bảo tôi:**

- Ngõ này đây, ông Hoàng ở đây.

- (b) **Cảm ơn anh nhé.** (c) **Lát nữa tôi sẽ sang nhà anh chơi.**

 (Nam Cao)

13. **Một đêm nọ, Thận thả lưới ở một bến vắng như thường lệ**

 (Sự tích hồ Gươm)

14. **Bà đỡ Trần là người huyện Đông Triều.**

 (Con hổ có nghĩa)

15. **Bác cần gì thế ạ?**

16. **Sao chàng bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi các con?**

 (Con Rồng cháu Tiên)

17. **Đứa nào lấy được bưởi lên ta sẽ thưởng!**

 (chuyện Lương Thế Vinh)

18. **Hãy vẽ cho ta một chiếc thuyền.**

 (cây bút thần)

19. **Thế thì phải giục anh ấy ăn mau đi, kẻo nữa người ta sắp sửa kéo vào rồi đấy.**

 (Ngô Tất Tố)

20. **Hức! Thông ngách sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ!**

 (Tô Hoài)

21. **Hôm qua, lớp em được đi tham quan Hạ Long.**

22. **Anh nhà đi đâu vậy chị?**

23. **Đóng cửa lại!**

24. **Ôi, bầu trời mới trong lành làm sao?**

25. **Bạn có thể mua hộ tớ quyển sách được không?**

26. Chợt có tiếng loa của trường:

- **Tuần sau các lớp trong trường sẽ chuẩn bị hội thi văn nghệ chào mừng 20/11.**

27. **Con nhà người ta bảy, tám tuổi đã đi chăn bò. Còn mày thì chẳng được tích sự gì.**

 (Sọ Dừa)

28. **Anh có biết con gái anh là một thiên tài hội họa không?**

 (Tạ Duy Anh)

29. **Cháu cảm ơn ông! Cảm ơn ông ạ!**

30. **Món này hơi cay đấy, em ăn được không?**

**Bài 2: Những câu sau được dùng để thực hiện hành động nói nào? Chỉ ra cách thực hiện hành động nói trong những câu đó?**

1. Em cam đoan những điều trên là đúng sự thực.

2. Chắc bây giờ nữ hoàng đã thỏa lòng rồi chứ?

 (Ông lão đánh cá và con cá vàng)

3. Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!

 (Tắt đèn, Ngô Tất Tố)

4. Cảm ơn anh, anh đến chơi là quý hóa cho nhà em lắm rồi.

5. Thằng kia! (1) Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? (2) Nộp tiền sưu! (3) Mau!

 (Tắt đèn, Ngô Tất Tố)

Bài 3. Chỉ ra sự khác nhau về hành động nói giữa hai câu sau đây:

(1) Ông giáo hút trước, (rồi đưa điếu cho lão Hạc)

(2) Ông giáo hút trước đi!

**Bài 4. Đặt câu để thể hiện:**

**a.** Một hành động thuộc nhóm điều khiển được dùng theo cách gián tiếp.

**b.** Một hành động thuộc nhóm bộc lộ cảm xúc dùng theo cách gián tiếp.

**c.** Một hành động thuộc nhóm hứa hẹn dùng theo cách trực tiếp.

**d.** Một hành động thuộc nhóm trình bày dùng theo cách trực tiếp.

**e.** Một hành động thuộc nhóm nghi vấn (hỏi) dùng theo cách trực tiếp.

**Bài 5. Sáng tạo và viết ra một cuộc nói chuyện (đoạn hội thoại) trong đó có chứa hành động nói thuộc nhóm điều khiển (dùng cách gián tiếp) và hành động nói thuộc nhóm bộc lộ cảm xúc (dùng cách gián tiếp). Gạch chân và chú thích dưới mỗi câu chứa các hành động nói đó.**

**III. GỢI Ý ĐÁP ÁN**

Bài 1.

1. Hành động mời – thuộc nhóm điều khiển

2. Hành động hỏi – thuộc nhóm nghi vấn

3. Hành động cảnh báo – thuộc nhóm trình bày.

4. Hành động ân hận – thuộc nhóm bộc lộ cảm xúc

5. Hành động hứa – thuộc nhóm hứa hẹn

6. Hành động thách thức – thuộc nhóm điều khiển

7. Hành động giới thiệu – thuộc nhóm trình bày

8. Hành đồng tuyên bố - thuộc nhóm trình bày

9. Hành động hứa – thuộc nhóm hứa hẹn

10. Hành động phỏng đoán – thuộc nhóm trình bày

11. Hành động đảm bảo – thuộc nhóm hứa hẹn

12. (a) Hành động kể - thuộc nhóm trình bày

 (b) Hành động cảm ơn – thuộc nhóm bộ lộ cảm xúc

 (c) Hành động hứa – thuộc nhóm hứa hẹn

13. Hành động kể - nhóm trình bày

14. Hành động giới thiệu - nhóm trình bày

15. Hành động hỏi – thuộc nhóm nghi vấn

16. Hành động than thở - thuộc nhóm bộc lộ cảm

17. Hành động thách đố - thuộc nhóm điều khiển.

18. Hành động yêu cầu, ra lệnh – thuộc nhóm điều khiển.

19. Hành động khuyên – thuộc nhóm điều khiển

20. Hành động mắng – thuộc nhóm bộc lộ cảm xúc

21. Hành động kể - thuộc nhóm trình

22. Hành động hỏi – thuộc nhóm nghi vấn

23. Hành động ra lệnh – thuộc nhóm điều khiển

24. Hành động khen ngợi, ngạc nhiên – nhóm bộc lộ cảm xúc

25. Hành động yêu cầu, đề nghị - nhóm điều khiển

26. Hành động thông báo – nhóm trình bày

27. Hành động than phiền – nhóm bộ cảm xúc

28. Hành động hỏi – nhóm nghi vấn

29. Hành động cảm ơn – nhóm bộc lộ cảm xúc

30. Hành động thông báo và hỏi – nhóm trình bày và nghi vấn

**Bài 2.**

1. Hành động hứa hẹn – Cách trực tiếp (dùng câu trần thuật để thể hiện cam kết)

2. Hành động hỏi – Cách trực tiếp (Dùng câu nghi vấn trực tiếp)

3. Hành động điều khiển – Cách gián tiếp

4. Hành động cảm ơn – Cách gián tiếp

5. (1) Hành động trình bày – Cách gián tiếp

 (2) Hành động điều khiển – Cách trực tiếp. (3) Hành động điều khiển – Cách trực tiếp.

Bài 3. Câu (1) thực hiện hành động nói thuộc nhóm trình bày.

Câu (2) thực hiện hành động thuộc nhóm điều khiển.

Bài 4. Có thể tham khảo cách đặt câu sau:

**a.** Cậu có thể ra đóng hộ tớ cái cửa không?

**b.** Bức tranh mới đẹp làm sao?

**c.** Tôi xin đảm bảo giữ bí mật chuyện này.

**d.** Một hành động thuộc nhóm trình bày dùng theo cách trực tiếp.

**e.** Cậu có còn nhớ đường đến nhà nó không?

Bài 5. HS tự viết đoạn văn theo yêu cầu

**HỘI THOẠI**

**I. CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**1. Khái niệm:**

**2. Vai xã hội**

**a. Khái niệm:** là vị trí của người tham gia hội thoại với (những) người khác trong hội thoại.

**b. Xác định vai xã hội** bằng 2 kiểu quan hệ xã hội giữa những người tham gia hội thoại:

- **Quan hệ trên – dưới** hay ngang hàng: xét theo tuổi tác, thứ bậc trong gia đình, chức vụ trong xã hội…

- **Quan hệ thân – sơ**: Xét theo mức độ tình cảm quen biết của các mối quan hệ xã hội.

**c.** Vai xã hội được thể hiện rất rõ thông qua cách xưng hô giữa những người tham gia hội thoại và có thể được thay đổi trong quá trình hội thoại.

Ví dụ:

 *Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn:*

*-* ***Cháu*** *van* ***ông****, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!*

*[…] Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại:*

*- Chồng* ***tôi*** *đau ốm,* ***ông*** *không được phép hành hạ!*

*[…] Chị Dậu nghiến hàm răng:*

*-* ***Mày*** *trói ngay chồng* ***bà*** *đi, bà cho mày xem!*

 (Ngô Tất Tố)

**3. Lượt lời trong hội thoại**

**a.** Trong hội thoại, những người tham gia lần lượt nói. Mỗi lần người này hay người kia nói được gọi là một lượt lời. Ví dụ:

Lượt lời (1) của lão Hạc: - Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!

Lượt lời (1) của ông giáo: - Cụ bán rồi?

Lượt lời (2) của lão Hạc: - Bán rồi! Họ vừa bắt xong.

Lượt lời (2) của ông giáo: - Thế nó cho bắt à?

**b**. Để đảm bảo lịch sự và để hội thoại diễn ra bình thường, những người tham gia hội thoại phải tôn trọng lượt lời của nhau: tránh ngắt lời người khác. Mặt khác, những người hội thoại cũng cần biết bắt lời kịp thời khi người khác dừng lời, tránh để khoảng im lặng quá dài.

**c.** Người nói khi nói hết, cần sử dụng các dấu hiệu nhất định để người hội thoại với mình thấy được lời nói đã hết, đã ngừng mà bắt cho kịp lời.

Những dấu hiệu thường gặp khi kết thúc lượt lời là:

- Các từ ngữ dứt câu: à, ư, nhỉ, nhé…

- Ngữ điệu

- Im lặng

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP**

**Bài 1. Cho đoạn hội thoại sau:**

*[…] – Sao chú mày sinh sống cẩu thả quá như thế! Nhà cửa đâu mà tuềnh toàng. Ngộ có kẻ nào đến phá thì thật chú chết ngay đuôi! Này thử xem: khi chú chui vào tổ, lưng chú phải lồm cồm đụng sát lên tận mặt đất, làm cho ai trên vệ cỏ nhìn sang cũng biết chú đương đi đứng chỗ nào trong tổ. Phỏng thử có thằng chim Cắt nó nhòm thấy, nó tưởng mồi, nó mổ cho một phát, nhất định trúng giữa lưng chú, thì chú có mà đi đời! Ôi thôi, chú mày ơi! Chú mày có lớn mà chẳng có khôn.*

*[…] – Thưa anh, em cũng muốn khôn nhưng khôn không được. Đụng đến việc là em thở rồi, không còn hơi sức đâu mà đào bới nữa. Lắm khi em cũng nghĩ nỗi nhà cửa như thế này là nguy hiểm, nhưng em nghèo sức quá, em đã nghĩ ròng rã hàng mấy tháng cũng không biết làm như thế nào. Hay là bây giờ em nghĩ thế này…Song anh có cho phép em nói em mới dám nói…*

*[…] – Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào.*

 (Tô Hoài)

a. Xác định vai xã hội giữa Dế Mèn và Dế Choắt qua đoạn hội thoại trên?

b. Hãy nhận xét về cách nói năng của Dế Mèn và Dế Choắt khi Dế Mèn và Dế Choắt trạc tuổi nhau? Hằng ngày, khi giao tiếp với bạn bè cùng tuổi, em nói năng xưng hô như thế nào?

**Bài 2. Nhận xét về cách nói năng của người vợ trong câu sau:**

*- Đồ ngu! Đòi một cái máng thật à? Một cái máng thì thấm vào đâu! Đi tìm lại con cá và đòi một cái nhà rộng.*

 (Ông lão đánh cá và con cá vàng)

**Bài 3. Hãy chỉ ra vai xã hội của những người tham gia trong đoạn hội thoại sau:**

*- Bẩm…quan lớn…đê vỡ mất rồi!*

*- Đê vỡ rồi!...Đê vỡ rồi, thời ông cách cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày! Có biết không? Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy? Không còn phép tắc gì nữa à?*

*- Dạ, bẩm…*

*- Đuổi cổ nó ra!*

*Ngài quay mặt vào, lại hỏi thầy đề:*

*- Thầy bốc quân gì thế?*

*- Dạ, bẩm, con chưa bốc.*

*- Thì bốc đi chứ!*

 (Phạm Duy Tốn)

**Bài 4. Đọc và chỉ ra sự khác nhau trong quan hệ giữa anh với em ở hai đoạn hội thoại sau:**

a*. (Dìu em vào trong nhà, tôi bảo)*

*- Không phải chia nữa, anh cho em tất.*

*- Không, em không lấy. Em để lại hết cho anh.*

 (Khánh Hoài)

b. *(Mèo rất hay lục lọi đồ vật với một sự thích thú đến khó chịu)*

*- Này, em không để chúng nó yên được à?*

*- Mèo mà lại! Em không phá là được…*

 (Tạ Duy Anh)

**Bài 5. Đọc mẩu chuyện sau và nhận xét về cách xưng hô, nói năng của hai nhân vật Hoa và Hùng**:

 *Một sớm, thằng Hùng, mới “nhập cư” vào xóm tôi, dắt chiếc xe đạp gần hết hơi ra tiệm sửa xe của bác Hai. Nó hất hàm với bác Hai:*

*- Bơm cho cái bánh trước. Nhanh lên nhé, trễ học rồi.*

*Bác Hai nhìn thằng Hùng rồi nói:*

*- Tiệm có bác hổng có bơm thuê.*

*- Vậy mượn cái bơm, tôi bơm lấy.*

*- Bơm của bác bị hư, cháu chịu khó dắt đến tiệm khác vậy.*

*Vừa lúc ấy, cái Hoa ở cuối ngõ cũng dắt xe đạp chạy vài tíu tít hỏi:*

*- Cháu chào bác Hai ạ! Bác ơi, cho cháu mượn cái bơm xe nhé. Chiều nay cháu đi học về, bác coi giùm cháu nghe, hổng biết sao nó cứ xì hơi hoài.*

 (Theo Thành Long)

**Bài 6. Trong đoạn hội thoại sau có bao nhiêu lượt lời của vua, bao nhiêu lượt lời của em bé? Chỉ ra những dấu hiệu dừng lời trong mỗi lượt lời.**

*- Thằng bé kia, mày có việc gì? Sao lại đến đây mà khóc?*

*- Tâu đức vua, […] mẹ con chết sớm mà cha con thì không chịu đẻ em bé để chơi với con cho có bạn, cho nên con khóc. Dám mong đức vua phán bảo cha con cho con được nhờ.*

*[…] – Mày muốn có em thì phải kiếm vợ khác cho cha mày, chứ cha mày là giống đực, làm sao mà đẻ được!*

*[…] – Thế sao làng chúng con lại có lệnh trên bắt nuối ba con trâu đực cho đẻ thành chín con để nộp đức vua? Giống đực thì làm sao mà đẻ được ạ!*

*[…] – Ta thử đấy thôi mà! Thế làng chúng mày không biết đem trâu ấy ra thịt mà ăn với nhau à?*

*- Tâu đức vua, làng chúng con sau khi nhận được trâu và gạo nếp, biết là lộc của đức vua, cho nên đã làm cỗ ăn mừng với nhau rồi.*

 (Em bé thông minh)

**Bài 7. Chỉ ra sự vi phạm về lượt lời trong đoạn hội thoại sau? Dấu hiệu nào trong văn bản cho thấy sự vi phạm đó?**

a. - *Đê vỡ rồi!...Đê vỡ rồi, thời ông cách cổ chúng mày, thời ông bỏ tù chúng mày! Có biết không? Lính đâu? Sao bay dám để cho nó chạy xồng xộc vào đây như vậy? Không còn phép tắc gì nữa à?*

*- Dạ, bẩm…*

*- Đuổi cổ nó ra!*

 (Phạm Duy Tốn)

b. *– Anh nghĩ anh thương em như thế thì hay là anh đào giúp cho em một cái ngách sang bên nhà anh, phòng khi tối lửa tắt đèn có đứa nào bắt nạt thì em chạy sang…*

*(Chưa nghe hết câu, tôi đã hếch răng lên, xì một hơi rõ dài. Rồi, với bộ điệu khinh khỉnh, tôi mắng)*

*- Hức! Thông ngách sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ! Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được. Thôi, im cái điệu hát mưa dầm sùi sụt ấy đi. Đào tổ nông thì cho chết!*

 (Tô Hoài)

**III. GỢI Ý ĐÁP ÁN**

Bài 1.

a. - Cách xưng hô trịnh thượng của Dế Mèn với Dế Choắt: gọi Dế Choắt là chú mày, lời lẽ dạy bảo của đàn anh: chú mày có lớn mà không có khôn…

- Cách xưng hô nhún nhường của Dế Choắt với Dế Mèn: em-anh, lời lẽ của kẻ yếu, thưa gửi.

🡪 Qua đó có thể thấy Dế Mèn tự cho mình là kẻ đàn anh, có vai xã hội cao hơn, coi thường Dế Choắt.

b. Với đặc điểm: Dế Mèn và Dế Choắt trạc tuổi nhau thì cách xưng hô và nói năng của cả Dế Mèn và Dế Choắt đều không phù hợp. Dế Mèn quá kiêu căng, tự phụ; còn Dế Choắt thì quá nhún mình, sợ sệt.

🡪 Qua đó HS rút kinh nghiệm cho bản thân trong giao tiếp hằng ngày với bạn bè cùng tuổi.

Bài 2. Cách nói năng của người vợ trong đoạn hội thoại có thái độ thiếu tôn trọng với chồng: cách dùng từ gọi chồng là “đồ ngu”, cách nói trống không…

Bài 3. Trong đoạn hội thoại có 4 người tham gia: người nhà quê, quan lớn, lính, thầy Đề.

Người nhà quê vai thấp nhất, sau đó đến lính, tiếp theo đến thầy Đề và vai cao nhất là quan lớn.

Bài 4. Qua hai đoạn hội thoại, có thể thấy:

a. Thể hiện tình cảm thương yêu, nhường nhịn lẫn nhau khi hai anh em sắp phải xa nhau

b. Thể hiện tình cảm tị nạnh, bắt nạt em theo kiểu trẻ con; còn em gái cũng phản ứng một cách ương ngạnh, vô tư, trong sáng.

Bài 5. Trước hết phải xác định rõ vai xã hội giữa bác Hai và 2 bạn nhỏ (quan hệ trên – dưới). Với vai xã hội như vậy, cách nói của Hoa lễ phép, phù hợp còn cách nói của Hùng tỏ ra hỗn láo, thiếu tôn trọng, nói trống không.

Bài 6.

- Đoạn hội thoại có 3 lượt lời của vua, 3 lượt lời của em bé

- Dấu hiệu dừng lời:

+ Lượt 1 của vua: kết thúc bằng ngữ điệu hỏi

+ Lượt 1 của em bé: Kết thúc bằng ngữ điệu nói.

+ Lượt 2 của vua: Kết thúc bằng ngữ điệu

+ Lượt 2 của em bé: kết thúc bằng từ ạ

+ Lượt 3 của vua: kết thúc bằng từ à

+ Lượt 3 của em bé: Kết thúc bằng ngữ điệu

Bài 7.

a. sự vi phạm lượt lời ở câu “– Dạ, bẩm…”. Nhân vật lính chưa nói hết câu đã bị quan lớn cắt ngang, thể hiện ở dấu ba chấm trên văn bản.

b. sự vi phạm lượt lời ở câu “Anh nghĩ anh thương em như thế thì hay là anh đào giúp cho em một cái ngách sang bên nhà anh, phòng khi tối lửa tắt đèn có đứa nào bắt nạt thì em chạy sang…”. Nhân Dế Choắt chưa nói hết câu đã bị Dế Mèn cắt ngang, thể hiện ở dấu ba chấm trên văn bản.

**LỰA CHỌN TRẬT TỰ TỪ TRONG CÂU**

**I. CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**1.** Trật tự từ có vai trò quan trọng trong việc diễn đạt đúng ý nghĩa của câu. Các từ được sắp xếp theo những trật tự khác nhau có thể làm cho ý nghĩa của câu khác nhau.

Ví dụ:

(1) *Hôm nay em ngồi ở ba bàn.*

(2) *hôm nay em ngồi ở bàn ba.*

Sự thay đổi trật tự “ba bàn” và “bàn ba” đã làm thay đổi ý nghĩa của cả câu chứa chúng.

**2.** Trong văn bản, việc lựa chọn trật tự từ trong câu còn có tác dụng làm cho văn bản có tính mạch lạc, liên kết chặt chẽ. Thông thường, các mục đích của việc lựa chọn trật tự từ trong câu là:

a. Thể hiện trình tự nhất định của sự việc, hiện tượng, hoạt động, tính chất…(theo mức độ, theo một trình tự thời gian, theo trật tự quan sát, trình tự nhận thức…)

Ví dụ: *Lão* ***hút xong, đặt xe điếu xuống, quay ra ngoài, thở khói.***

 (Nam Cao)

b. Dùng để nhấn mạnh đặc điểm, tính chất, khía cạnh…của sự vật, hiện tượng.

Ví dụ: ***Có đồng nào,*** *cụ nhặt nhạnh đưa cho tôi cả thì cụ lấy gì mà ăn.*

 (Nam Cao)

c. Tạo sự liên kết với những câu khác.

Ví dụ: *Lão hút xong, đặt xe điếu xuống, quay ra ngoài, thở khói.* ***Sau một điếu thuốc lào****, óc người ta tê dại đi trong một nỗi đê mê nhẹ nhõm*

 (Nam Cao)

d. Tạo sự hài hòa về mặt âm thanh.

*Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng*

*Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá*

 (Tế Hanh)

**3**. Trật tự sắp xếp các từ ngữ, đặc biệt trong chuỗi liệt kê, còn có giá trị thể hiện mối quan hệ giữa các đặc điểm, tính chất:

***\* Tăng dần***

 *Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì* ***khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ****. Dì thổ ra nước mắt.*

 (Nam Cao)

***\* Giảm dần***

 *Ai có súng dùng* ***súng****, ai có gươm dùng* ***gươm****, không có gươm thì dùng* ***cuốc, thuổng, gậy gộc****, ai cũng phải ra sức chống thực dân, cứu nước.*

 (Hồ Chí Minh)

**II. CÁC DẠNG BÀI TẬP**

**Bài 1. Giải thích lí do lựa chọn trật tự các từ ngữ in đậm trong những câu sau:**

1. Lúc vào lễ, bài văn tế được đọc lên, khách khứa ai cũng bụm miệng cười. Bực mình, ông chủ nhà gọi thầy đồ đến trách…

 (Truyện dân gian)

2. Trước cách mạng, ông (Nguyên Hồng) sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng, trong một xóm chợ lao động nghèo. Ngay từ tác phẩm đầu tay, Nguyên Hồng đã hướng ngòi bút về những người cùng khổ gần gũi mà ông yêu thương thắm thiết. Sau cách mạng, Nguyên Hồng tiếp tục bền bỉ sáng tác, ông viết cả tiểu thuyết, kí, thơ, nổi bật hơn cả là các bộ tiểu thuyết sử thi nhiều tập.

 (Ngữ văn 8, tập 1)

3. Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ

 Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi

 Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,

 Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!

 (Tế Hanh)

4. Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng,

 Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng

 (Thế Lữ)

5. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắc.

 (Tô Hoài)

6. Có buổi nắng sớm, biển bốc hơi nước, không nom thấy đảo xa, chỉ một màu trắng xóa. Không có thuyền, không có sóng, không có mây, không có sắc biếc của da trời.

 (Vũ Tú Nam)

7. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.

8. Thằng bé con anh Chẩn ho rũ rượi, ho như xé phổi, ho không còn khóc được.

 (Nam Cao)

**Bài 2. Có thể thay đổi trật tự hai vế câu trong câu sau được không? Tại sao?**

*Chẳng may bà chủ nhà ốm chết, ông chồng bèn nhờ thầy làm cho bài văn tế.*

 (Truyện dân gian)

**Bài 3. Giải thích sự khác nhau giữa các cụm từ:**

1. Ăn ít – Ít ăn

2. Tay mát – Mát tay

**Bài 4. Hãy giải thích tại sao tác giả lại đưa những từ ngữ in đậm lên đầu câu:**

a. Những cuộc vui ấy, chị còn nhớ rành rành.

 (Ngô Tất Tố)

b. Đã tan tác những bóng thù hắc ám

 Đã sáng lại trời thu tháng Tám

 (Tố Hữu)

**Bài 5. Hãy viết 2 đoạn văn (khoảng 10 câu), mỗi đoạn có dùng một câu sau:**

a. Trên mặt biển, nhô dần lên một con thuyền.

b. Một con thuyền nhô dần lên trên mặt biển.

**III. GỢI Ý ĐÁP ÁN**

Bài 1.

1. Chú ý đến trật tự các sự việc

2. Chú ý đến tính liên kết về mặt thời gian với các câu trước: Trước cách mạng….sau cách mạng.

3 và 4. Chú ý đến việc tạo âm hưởng, tạo sự hài hòa về âm thanh trong thơ.

5. Chú ý đến trình tự thời gian và mức độ tăng dần của móng vuốt

6. Chú ý đến tầm quan sát được mở rộng dần dần.

7. Chú ý đến phạm vi của lòng yêu nước được mở rộng dần.

8. Chú ý đức mức độ ho tăng dần của em bé.

Bài 2. Xét về trình tự thời gian và tính logic của các sự việc: sự việc bà chủ chết thì mới dẫn đến sự việc ông chồng nhờ làm văn tế. Từ đó kết luận không thể đổi trật tự các vế ở trong câu được.

Bài 3. Việc thay đổi trật tự từ trong cụm từ cũng dẫn đến sự thay đổi về ý nghĩa:

a. **ăn ít:** nói đến lượng ăn của cơ thể

 **ít ăn:** nói đến tần suất ăn của một người (số lần ăn trong một khoảng thời gian các định)

b. **– Tay mát:** nói đến nhiệt độ của bàn tay

 **- Mát tay:** Nói đến sự thích hợp, thích ứng trong một công việc nào đó mà dễ đem lại may mắn, đem lại hiệu quả cao.

Bài 4. Việc chuyển các từ in đậm lên đầu câu có tác dụng nhấn mạnh, làm nổi bật điều cần nói và có giá trị biểu cảm cao.

Bài 5. HS tự luyện tập viết đoạn văn theo yêu cầu.